

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO
TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 781/2020/HS-PT
Ngày 14 tháng 12 năm 2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Thanh Dũng

Các Thẩm phán: Ông Phan Văn Yên

Ông Phạm Trí Tuấn

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Phú Cường – Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Mậu Hưng - Kiểm sát viên.

Từ ngày 09 đến ngày 14 tháng 12 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 438/2020/TLPT-HS ngày 04 tháng 9 năm 2020 đối với bị cáo Dương Thanh C và các bị cáo khác;

Do có kháng cáo của các bị cáo, kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 282/2020/HSST ngày 30 tháng 7 năm 2020 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- Bị cáo có kháng cáo, bị kháng nghị:

1/. **Dương Thanh C** (tên gọi khác: Mã C), sinh ngày 05/7/1966 tại Thành phố Hồ Chí Minh; Nơi thường trú: chung cư P, Phường 13, Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh; nơi đã cư trú: đường K, phường A, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh; Nghề nghiệp: Nguyên Tổng Giám đốc Công ty CP XDTM BP, Chủ tịch HĐQT Công ty TP; Trình độ học vấn: 6/12; Dân tộc: Hoa; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Dương H và bà Lý Tú A (đã chết); có vợ và 02 con, lớn sinh năm 1987, nhỏ sinh năm 1991; Tiền án, tiền sự: không.

Nhân thân:

- Ngày 27/6/1996 bị Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu xử phạt 18 năm tù về tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản XHCN, 13 năm tù về tội Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản XHCN, 10 năm tù về tội Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt TSCD, 03 năm tù về tội trốn thuế, tổng hợp hình phạt 20 năm tù (Bản án số 85/HSST ngày 27/6/1996);

- Ngày 11/8/1996, Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xử phạt 10 năm tù về tội Đưa hối lộ, tổng hợp với Bản án của Bà Rịa - Vũng Tàu buộc Dương Thanh C phải chấp hành 20 năm tù, thời hạn tù tính từ ngày 04/02/1994 (Bản án số 115/HSST ngày 11/8/1996);

- Ngày 15/12/2015, bị Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 13 năm tù về tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản và 06 tháng tù về tội Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức. Tổng hợp hình phạt là 13 năm 06 tháng tù (Bản án số 688/2015/HSPT ngày 15/12/2015);

- Ngày 11/5/2016, Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt tù chung thân về tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản và tù chung thân về tội Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản. Tổng hợp hình phạt là tù chung thân (Bản án số 186/2016/HS-PT ngày 11/5/2016);

- Ngày 12/5/2016 Tòa án nhân dân cấp cao tại Tp Hồ Chí Minh xử phạt tù chung thân về tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản (Bản án số 187/2016/HS-PT ngày 12/5/2016);

- Ngày 10/7/2018, Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt tù 20 năm về tội Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản (Bản án số 237/2018/HSST ngày 10/7/2018).

Bị cáo đang thi hành án phạt tù Chung thân của bản án số 237/2018/HSST ngày 10/7/2018, thời hạn tù tính từ ngày 03/10/2012; Bị bắt tạm giam trong vụ án này từ ngày 27/3/2019. (có mặt)

Người bào chữa cho bị cáo: Luật sư Nguyễn Trinh Đ – Đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh. (có mặt)

2/. **Trần B**, sinh ngày 10/9/1959 tại Trà Vinh; Nơi cư trú: đường A, phường A A, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh; Nghề nghiệp: Nguyên Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị Ngân hàng P; Trình độ học vấn: Lớp 6/12; Dân tộc: Hoa; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Trần L và bà Trần Thị Kh (đã chết); Có vợ và có 02 con, lớn nhất sinh năm 1981, nhỏ nhất sinh năm 1988; tiền án, tiền sự: không.

Nhân thân: Ngày 06/8/2018, Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xử 04 năm tù về tội Cố ý làm trái quy định của Nhà nước về quản lý kinh tế gây hậu quả nghiêm trọng (Bản án số 268/2018/HS-ST ngày 06/8/2018).

Bị cáo đang thi hành án phạt tù 03 năm tù của Bản án số 268/2018/HS-ST ngày 06/8/2018, thời hạn tù tính từ ngày 01/8/2017; Bị bắt tạm giam trong vụ án này từ ngày 27/11/2018. (có mặt)

Người bào chữa cho bị cáo: Luật sư Nguyễn Thị Mai H – Đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh. (có mặt)

3/. **Phan Huy Kh**, sinh ngày 14/4/1973 tại Tiền Giang; Nơi thường trú: đường P, phường N, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh; Tạm trú: khu dân cư T, xã P1, huyện N1, Thành phố Hồ Chí Minh; Nghề nghiệp: Nguyên Phó Tổng Giám đốc, Chủ tịch HĐQT Ngân hàng P; Trình độ học vấn: 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Phan Văn M (đã chết) và bà

Đào Thị C; Có vợ, có 03 con, lớn sinh năm 1997, nhỏ sinh năm 2015; tiền án, tiền sự: không.

Nhân thân: Ngày 06/8/2018, Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xử 03 năm tù về tội Cố ý làm trái quy định của Nhà nước về quản lý kinh tế gây hậu quả nghiêm trọng (Bản án số 268/2018/HS-ST ngày 06/8/2018).

Bị cáo đang thi hành án phạt tù 04 năm tù của Bản án số 268/2018/HS-ST ngày 06/8/2018, thời hạn tù tính từ ngày 01/8/2017; Bị bắt tạm giam trong vụ án này từ ngày 27/11/2018. (có mặt)

Người bào chữa cho bị cáo: Luật sư Nguyễn Thị Huyền Tr – Đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh. (có mặt)

4/. **Ngô Văn H**, sinh ngày 30/8/1979 tại G; Nơi thường trú: Chung cư B, Phường 10, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh; Nghề nghiệp: Nguyên Phó giám đốc, Ủy viên HĐQT Sở giao dịch và Giám đốc Trung tâm xét duyệt tín dụng, Ủy viên HĐQT Ngân hàng P; Trình độ học vấn: 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Ngô Văn N (đã chết) và bà Phan Thị D; Có vợ và có 02 con, lớn sinh năm 2011, nhỏ sinh năm 2015; Tiền án, tiền sự: Không; Bị bắt, tạm giam từ ngày 26/8/2019. (có mặt)

Người bào chữa cho bị cáo: Luật sư Nguyễn Anh T – Đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh. (có mặt)

5/. **Phan Thị Hồng V**, sinh ngày 30/4/1981 tại Bình Định; Nơi thường trú: đường L, Phường 7, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh; Tạm trú: đường P, phường 7, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh; Nghề nghiệp: Nguyên cán bộ pháp chế, Ủy viên HĐQT Ngân hàng P; Trình độ học vấn: 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Phan Đình Ng (đã chết) và bà Lê Thị Thanh Ng; Có chồng và có 02 con, lớn sinh năm 2009, nhỏ sinh năm 2011; Tiền án, tiền sự: Không; Bị bắt, tạm giam từ ngày 26/8/2019, đến ngày 24/11/2020 Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú; hiện bị cáo tại ngoại. (có mặt)

Người bào chữa cho bị cáo: Luật sư Phan Hồng V, Luật sư Lê Văn T – Đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh. (Luật sư Phan Hồng V có mặt, Luật sư Lê Văn T có văn bản xin xét xử vắng mặt)

6/. **Trịnh Bích Ng**, sinh ngày 26/8/1984 tại Tỉnh Gia Lai; Nơi thường trú: đường P, Phường 5, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh; Nơi đã cư trú: đường Q, Phường 8, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh; Tổ 11 phường T, P, tỉnh Gia Lai; Nghề nghiệp: Nguyên Trưởng phòng kinh doanh, Ủy viên HĐQT Sở giao dịch Ngân hàng P; Trình độ học vấn: 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Trịnh K và bà Nguyễn Thị Th; Có chồng và có 02 con, lớn sinh năm 2012, nhỏ sinh năm 2014; Tiền án, tiền sự: Không; Bị bắt, tạm giam từ ngày 26/8/2019, đến ngày 24/11/2020 Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú; hiện bị cáo tại ngoại. (có mặt)

Người bào chữa cho bị cáo: Luật sư Võ Cát T – Đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh. (có mặt)

7/. **Nguyễn Văn Ph**, sinh ngày 21/3/1976 tại Thành phố Hồ Chí Minh; Nơi cư trú: đường 7B, phường B1, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh; Nghề nghiệp: Nguyên Phó Giám đốc, Ủy viên HĐQT Sở giao dịch Ngân hàng P; Trình độ học vấn: 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Văn B (đã chết) và Trần Thị H; Có vợ và có 01 con sinh năm 2007; Tiền án, tiền sự: Không; Bị bắt, tạm giam từ ngày 26/8/2019. (có mặt)

Người bào chữa cho bị cáo: Luật sư Lê Khắc A – Đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh. (có mặt)

8/. **Phạm Trường G**, sinh ngày 10/02/1981 tại Thành phố Hồ Chí Minh; Tên gọi khác: Không; Nơi cư trú: đường L, Phường 10, Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 12/12; Nghề nghiệp: Nguyên Phó phòng kinh doanh, Sở Giao dịch Ngân hàng P; Con ông Phạm Văn B và bà Trương Thị H; Chưa có vợ, con; Tiền án, tiền sự: Không; Bị bắt, tạm giam từ ngày 27/11/2018 đến ngày 27/8/2020; hiện bị cáo tại ngoại. (có mặt)

Người bào chữa cho bị cáo: Luật sư Nguyễn Ngọc Ph – Đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh. (có mặt)

9/. **Trần Quang Th** (tên gọi khác: D), sinh ngày 01/6/1981 tại Bạc Liêu; Nơi thường trú: đường N, Phường 9, thành phố C, tỉnh Cà Mau; Nơi đã cư trú: đường L1, phường P, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh; Nghề nghiệp: Nguyên cán bộ tín dụng Sở giao dịch Ngân hàng P; Trình độ học vấn: 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Trần Việt Th và bà Trần Thị Kim Ng; Có vợ và chưa có con; Tiền án, tiền sự: Không; Bị bắt, tạm giam từ ngày 27/11/2018 đến ngày 27/8/2020; hiện bị cáo tại ngoại. (có mặt)

Người bào chữa cho bị cáo: Luật sư Nguyễn Huy Ph – Đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh. (có mặt)

10/. **Trầm Viết Tr**, sinh ngày 17/4/1975 tại Thành phố Hồ Chí Minh; Nơi thường trú: đường H, phường A, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh; Nơi đã cư trú: khu dân cư N, đường H, phường A, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh; Nghề nghiệp: Nguyên Giám đốc Trung tâm xét duyệt tín dụng, kiêm Ủy viên HĐQT Ngân hàng P; Trình độ học vấn: 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Văn Tr và bà Trầm Kim L; Có vợ và có 02 con, con lớn sinh năm 2007, con nhỏ sinh năm 2010; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo tại ngoại. (có mặt)

- *Bị hại:* Ngân hàng Thương mại Cổ phần P (nay là Ngân hàng Thương mại Cổ phần S - Sbank);

Hội sở: đường N, Phường 8, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền:

1/. Ông Nguyễn Văn Tr, sinh năm 1984 – Trưởng phòng Pháp lý Ngân hàng Sbank. (có mặt)

2/. Ông Trần Văn T, sinh năm 1983 – Trưởng bộ phận Pháp lý tư vấn – Phòng pháp lý Ngân hàng Sbank. (có mặt)

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại: Luật sư Trần Ngọc H -

Đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh. (có mặt)

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có kháng cáo, liên quan đến kháng cáo, kháng nghị:*

1/. Ngân hàng A.

Hội sở: đường L, phường T, quận B, Thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Trần Thị Thanh H, sinh năm: 1967; Chức vụ: Phó Giám đốc Ngân hàng A (Abank Chi nhánh 6). (có mặt)

2/. Công ty TNHH MTV Quản lý nợ và khai thác tài sản Ngân hàng S; Địa chỉ: đường N, Phường 8, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1980; Chức vụ: Trưởng phòng quản lý & Thu hồi nợ. (có mặt)

3/. Công ty TNHH SX-XD-TM TP. Địa chỉ: đường 64, Phường 10, Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh. (có văn bản xin xét xử vắng mặt)

4/. Công ty TNHH SX-TM BP. Địa chỉ: đường P, phường T, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh. (có văn bản xin xét xử vắng mặt)

(Ngoài ra, trong vụ án còn có 14 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan khác không kháng cáo, không liên quan đến kháng cáo, kháng nghị nên Tòa án không triệu tập đến phiên tòa phúc thẩm)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngân hàng TMCP P (Ngân hàng P) thành lập ngày 17/3/1993 theo Quyết định số 0030/NH-GP của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (NHNN), ngày 14/9/2015, Ngân hàng P sáp nhập vào Ngân hàng TMCP S (Sbank) theo Quyết định số 1844/QĐ-NHNN của NHNN.

Công ty cổ phần xây dựng và thương mại BP (gọi tắt là Công ty BP) và Công ty TNHH sản xuất, xây dựng và thương mại TP (gọi tắt là Công ty TP) đều do Dương Thanh C lập ra và điều hành.

Tháng 10/2007, Dương Thanh C đã đứng danh nghĩa Công ty TP để mua gom 10,5 ha đất nông nghiệp của các hộ dân tại địa bàn xã P, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh với ý định đầu tư dự án. Ngày 03/4/2008, Ban Quản lý khu Nam Thành phố Hồ Chí Minh có Văn bản số 335/BQLKN-KHĐT nêu rõ *“không thể chấp thuận địa điểm đầu tư xây dựng dự án của Công ty TP do Khu đất nằm trong khu quy hoạch thuộc Ban Quản lý khu Nam thành phố Hồ Chí Minh”*. Dương Thanh C biết rõ thông tin diện tích đất 10,5 ha nằm trong khu quy hoạch, đã có Quyết định thu hồi của Nhà nước, không thể sang tên sở hữu cho Công ty TP. Đồng thời, trước đó giấy chứng nhận các thửa đất nông nghiệp có tổng diện tích 10,5 ha này đã được Dương Thanh C thế chấp tại Ngân hàng A Chi nhánh 6 (Ngân hàng Abank chi nhánh 6) để vay số tiền 628 tỷ đồng.

Với mục đích chiếm đoạt tiền của Ngân hàng P để sử dụng cá nhân, nên đầu tháng 4/2008, Dương Thanh C mang bản photocopy của 23 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (GCNQSDĐ) này đến gặp Trầm B, Phó Chủ tịch HĐQT Ngân hàng P đề nghị vay tiền và tài sản thế chấp là 10,5 ha đất của 23 GCNQSDĐ. Trầm B thông nhất cho vay nếu hồ sơ đầy đủ, có tài sản thế chấp và giao cho Sở giao dịch Ngân hàng P thẩm định hồ sơ.

Ngày 10/4/2008, Dương Thanh C đã ký Văn bản số 19/CV/TP/2008 gửi Ngân hàng Abank chi nhánh 6 với nội dung *“xin mượn toàn bộ 23 giấy chứng nhận quyền sử dụng Khu đất để trình Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh phê duyệt dự án, thời gian mượn là 30 ngày”* và được Ngân hàng Abank chi nhánh 6 bàn giao lại 23 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và các hợp đồng chuyển nhượng. Từ ngày 07/4/2008 đến ngày 05/6/2009, Dương Thanh C đã sử dụng 23 GCNQSDĐ này làm tài sản thế chấp để vay và chiếm đoạt tiền của Ngân hàng P thông qua 03 hợp đồng tín dụng và sử dụng hết vào mục đích cá nhân. Hội đồng tín dụng Ngân hàng P và Sở Giao dịch Ngân hàng P đã có hành vi trái pháp luật trong việc lập, thẩm định hồ sơ, phê duyệt cho vay, giải ngân, kiểm tra, giám sát vốn vay đối với 03 Hợp đồng tín dụng của Dương Thanh C dẫn đến gây thiệt hại cho Ngân hàng P, cụ thể như sau:

1. Việc ký kết và cho vay 03 Hợp đồng tín dụng:

- *Hợp đồng tín dụng lần 1:* Ngày 07/4/2008, Dương Thanh C, Tổng Giám đốc Công ty BP ký hồ sơ gửi Sở giao dịch Ngân hàng P (Sở Giao dịch) đề nghị vay vốn số tiền 200 tỷ đồng, với tài sản thế chấp là 23 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nông nghiệp có tổng diện tích 10,5 ha tại xã P, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh và cam kết là tài sản của Công ty TP chưa thế chấp nơi khác, không thuộc diện quy hoạch, giải tỏa, kê biên... . Mục đích vay vốn là đầu tư các dự án và bổ sung vốn kinh doanh (trên thực tế các dự án này mới chỉ có các văn bản chấp thuận địa điểm đầu tư, hướng dẫn về quy hoạch kiến trúc... chưa được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền phê duyệt cấp phép để đầu tư dự án).

Ngày 11/4/2008, Nguyễn Thị Xuân Tr1, Giám đốc Sở Giao dịch đã phân công Phạm Trường G, Trần Quang Th và Vũ Thị Thanh H là cán bộ tín dụng Sở Giao dịch trực tiếp thẩm định hồ sơ. Mặc dù biết hồ sơ vay vốn không đủ điều kiện vay vốn, không có đủ tài liệu về pháp lý, dự án chưa được cấp có thẩm quyền phê duyệt, tài sản đảm bảo là đất nông nghiệp chưa sang tên Công ty TP, nhưng theo chỉ đạo của Nguyễn Thị Xuân Tr1, Th và G vẫn lập, ký Tờ trình thẩm định khách hàng đủ điều kiện vay vốn và đề xuất cho Công ty BP vay số tiền 190 tỷ đồng, mục đích vay đầu tư Dự án và bổ sung vốn kinh doanh. Cùng ngày 11/4/2008, Hội đồng tín dụng (HĐTD) Sở Giao dịch gồm: Nguyễn Thị Xuân Tr1, Giám đốc Sở Giao dịch (Chủ tịch HĐQT); Ngô Văn H, Phó Giám đốc Sở Giao dịch kiêm Trưởng phòng Kinh doanh (Ủy viên HĐQT); Trịnh Bích Ng, Phó phòng Kinh doanh (Ủy viên Thường trực HĐQT); Nguyễn T (Thư ký HĐQT) đã họp thống nhất đề xuất HĐQT Ngân hàng P phê duyệt khoản vay do vượt hạn mức cấp tín dụng của Sở Giao dịch với nội dung: *“Cho Công ty BP vay 190 tỷ đồng nhưng chỉ giải ngân số tiền 130 tỷ đồng; khi toàn bộ tài sản đảm bảo hoàn tất thủ tục công chứng mua bán qua tên chủ sử dụng là Công ty TP thì giải ngân hết số tiền 190 tỷ đồng”*. Những người tham gia họp đã ký Biên bản họp HĐQT và sau đó Sở giao dịch có Tờ trình xét duyệt hồ sơ tín dụng gửi lên HĐQT Ngân hàng P.

Ngày 12/4/2008, HĐQT Ngân hàng P gồm: Phan Huy Kh, Tổng Giám đốc (Chủ tịch HĐQT); Trầm Viết Tr, Giám đốc Trung tâm Xét duyệt tín dụng (Ủy viên Thường trực HĐQT); Phan Thị Hồng V, đại diện pháp chế (Ủy viên kiêm Thư ký HĐQT) đã ký Biên bản họp HĐQT đồng ý để Sở Giao dịch Ngân hàng P cho Công ty BP vay số tiền 190 tỷ đồng nhưng chỉ được giải ngân số tiền 130 tỷ đồng. Trường hợp giải ngân hết số tiền 190 tỷ đồng thì toàn bộ tài sản đảm bảo phải hoàn tất thủ tục công chứng qua tên chủ sử dụng là Công ty TP. Sau khi có Biên bản họp HĐQT, Trầm B đã phê duyệt đồng ý để Sở Giao dịch cho Công ty BP vay tiền với tài liệu hồ sơ tín dụng trên như đề xuất của HĐQT Sở Giao dịch.

Ngày 12/04/2008, Ngô Văn H, Phó Giám đốc đại diện Sở Giao dịch (theo Giấy ủy quyền của Nguyễn Thị Xuân Tr1) và Dương Thanh C, Tổng Giám đốc Công ty BP ký Hợp đồng tín dụng số 025/04/08 (*Hợp đồng lần 1*) cho Công ty BP vay số tiền 190 tỷ đồng. Từ ngày 12 đến ngày 23/4/2008, Sở Giao dịch đã giải ngân cho Công ty BP tổng số tiền 130 tỷ đồng. Dương Thanh C đã nhận đủ số tiền 130 tỷ đồng. C đã dùng số tiền 2.214.133.333 đồng để trả lãi vay của Hợp đồng lần 1, còn lại chiếm đoạt sử dụng cá nhân số tiền 127.785.866.667 đồng.

Việc giải ngân, kiểm tra, giám sát sử dụng vốn vay của Sở Giao dịch và Ngân hàng P đã không được thực hiện theo đúng quy định của Quy chế cho vay ban hành kèm theo Quyết định 1627/2001/QĐ-NHNN ngày 31/12/2001 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, cụ thể là: Cán bộ tín dụng Trần Quang Th đã lập biên bản kiểm tra nội dung không đúng sự thật, mang tính hình thức, trong đó có nhận xét khách hàng sử dụng vốn vay đúng mục đích; tình hình tài chính ổn định, đơn vị hoạt động bình thường, có khả năng trả nợ, tài sản đảm bảo không biến động, không thay đổi.

Căn cứ Quy chế cho vay ban hành kèm theo Quyết định 1627/2001/QĐ-NHNN ngày 31/12/2001 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam; quy định của Ngân hàng P về quy trình xét duyệt cho vay; Quy chế Hội đồng tín dụng, xác định trách nhiệm cá nhân của từng người khi tham gia vào quy trình xét duyệt, cho vay và phải chịu trách nhiệm theo quy định của pháp luật đối với hành vi vi phạm và quyết định của mình đối với hậu quả, thiệt hại do hành vi vi phạm gây ra thì Trầm Viết Tr, Phan Huy Kh, Phan Thị Hồng V, Trầm B đã có hành vi xét, phê duyệt đồng ý cấp tín dụng (cho vay hạn mức thuộc thẩm quyền phán quyết) cho Công ty BP vay vốn khi Công ty BP không đủ điều kiện vay vốn (Công ty BP không có dự án được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền phê duyệt; phương án trả nợ không khả thi), tài sản đảm bảo không đủ điều kiện pháp lý (23 quyền sử dụng đất nông nghiệp chưa sang tên Công ty TP) mà theo quy định thì căn cứ vào hồ sơ vay vốn do Sở Giao dịch trình lên phải đủ điều kiện cấp tín dụng thì mới được phép cấp tín dụng, nếu không đủ điều kiện thì không được cấp tín dụng, không thể nêu ra các điều kiện để cho vay như trên.

Hành vi của các bị can Phạm Trường G, Trần Quang Th, Phạm Thị Xuân Tr1, Trịnh Bích Ng, Ngô Văn H, Phan Huy Kh, Phan Thị Hồng V, Trầm Viết Tr và Trầm B đã vi phạm Quy chế cho vay ban hành kèm theo Quyết định 1627/2001/QĐ-NHNN ngày 31/12/2001 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và trực tiếp gây ra hậu quả thiệt hại lần vay thứ nhất là Dương Thanh C đã chiếm đoạt số tiền 127.785.866.667 đồng của Ngân hàng P.

- *Hợp đồng tín dụng lần 2*: Với mục đích tiếp tục chiếm đoạt tiền của Ngân hàng P, tháng 5/2008 Dương Thanh C đến gặp Trầm B xin vay thêm tiền. Trầm B đồng ý cho C vay thêm bằng cách tắt toán hồ sơ vay trước, đồng thời làm hồ sơ vay mới vẫn sử dụng tài sản thế chấp là 23 GCN QSDĐ 10,5 ha đất nông nghiệp nêu trên và giao cho Sở Giao dịch thực hiện.

Ngày 23/5/2008, Dương Thanh C, Tổng Giám đốc Công ty BP ký hồ sơ đề nghị vay vốn tại Sở Giao dịch số tiền 130 tỷ đồng và 5.000 lượng vàng SJC, mục đích ghi trong hồ sơ là vay đầu tư Dự án và bổ sung vốn kinh doanh. Ngày 26/5/2008, các cán bộ tín dụng Sở Giao dịch là Phạm Trường G, Trần Quang Th và Nguyễn Thị Tr2 thẩm định hồ sơ, biết hồ sơ vay vốn không đầy đủ tài liệu về pháp lý, dự án chưa được cấp có thẩm quyền phê duyệt, khách hàng không đủ điều kiện vay vốn; tài sản đảm bảo là đất nông nghiệp chưa sang tên Công ty TP, nhưng vẫn lập, ký Tờ trình thẩm định tín dụng khách hàng đủ điều kiện vay vốn và đề xuất cho Công ty BP vay số tiền 130 tỷ đồng và 5.000 lượng vàng SJC, mục đích vay đầu tư Dự án và bổ sung vốn kinh doanh. Cùng ngày 26/5/2008, HĐTD Sở Giao dịch gồm: Nguyễn Thị Xuân Tr1, Giám đốc Sở Giao dịch (Chủ tịch HĐTD); Nguyễn Văn Ph, Phó Giám đốc Sở Giao dịch (Ủy viên HĐTD); Trịnh Bích Ng, Phó phòng Kinh doanh (Ủy viên Thường trực HĐTD); Phạm Trường G (Thư ký HĐTD) họp thống nhất và có Tờ trình xét duyệt hồ sơ tín dụng gửi lên HĐTD Ngân hàng P đề xuất phê duyệt khoản vay do vượt hạn mức cấp tín dụng của Sở Giao dịch.

Ngày 31/5/2008, HĐTD Ngân hàng P gồm: Phan Huy Kh, Tổng Giám đốc (Chủ tịch HĐTD); Ngô Văn H, Giám đốc Trung tâm Xét duyệt tín dụng (Ủy viên Thường trực HĐTD); Phan Thị Hồng V, đại diện pháp chế (Ủy viên kiêm Thư ký HĐTD) đã ký Biên bản họp HĐTD đồng ý phê duyệt cho vay. Trầm B, Phó Chủ tịch HĐQT Ngân hàng P đã phê duyệt đồng ý để Sở Giao dịch cho Công ty BP vay tiền với tài liệu hồ sơ tín dụng như đề xuất của HĐTD Sở Giao dịch. Cùng ngày 31/05/2008, Nguyễn Văn Ph, Phó Giám đốc đại diện Sở Giao dịch (theo Giấy ủy quyền của Nguyễn Thị Xuân Tr1) và Dương Thanh C, Tổng Giám đốc Công ty BP ký Hợp đồng tín dụng số 034/05/08 (*hợp đồng lần 2*) cho Công ty BP vay số tiền 130 tỷ đồng và 5.000 lượng vàng SJC, tài sản thế chấp là 23 QSDĐ nêu trên.

Từ ngày 31/5/2008 đến ngày 05/6/2008, Sở Giao dịch giải ngân cho Công ty BP số tiền 57,36 tỷ đồng và 9.000 lượng vàng SJC quy đổi ra tiền đồng, số tiền giải ngân tổng cộng là 221,3 tỷ đồng. Dương Thanh C đã dùng số tiền 131.399.666.667 đồng để tắt toán Hợp đồng tín dụng lần 1 (trả nợ gốc 130 tỷ đồng, trả lãi của Hợp đồng tín dụng lần 1 số tiền 1.399.666.667 đồng); dùng số tiền 32.388.934.906 đồng để trả lãi vay của Hợp đồng tín dụng lần 2, còn lại 57.511.398.427 đồng C chiếm đoạt và sử dụng hết vào mục đích cá nhân.

Cũng như đối với lần cho vay thứ nhất, việc quyết định phê duyệt cấp tín dụng phải đủ điều kiện cấp tín dụng thì mới được phép cấp tín dụng, không thể nêu ra các điều kiện được. Vì vậy, các bị can Phan Huy Kh, Phan Thị Hồng V, Ngô Văn H, Trầm B phê duyệt đồng ý để Sở Giao dịch Ngân hàng P cho Công ty BP vay vốn khi không đủ điều kiện cho vay đã vi phạm Quy chế về cho vay của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và phải chịu trách nhiệm cá nhân đối với hành vi vi phạm.

Hành vi của các bị can Phạm Trường G, Trần Quang Th, Phạm Thị Xuân Tr1, Trịnh Bích Ng, Nguyễn Văn Ph, Ngô Văn H, Phan Huy Kh, Phan Thị Hồng V và Trầm B đã vi phạm Quy chế cho vay ban hành kèm theo Quyết định 1627/2001/QĐ-NHNN ngày 31/12/2001 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, gây ra hậu quả thiệt hại ở lần vay thứ 2 là Dương Thanh C đã chiếm đoạt số tiền 57.511.398.427 đồng của Ngân hàng P.

- *Hợp đồng tín dụng lần 3*: Do đã chiếm đoạt tiền vay lần 1 và lần 2 sử dụng cá nhân; không có tiền trả nợ, Dương Thanh C đến gặp Trầm B xin gia hạn nợ. Trầm B đồng ý cho C gia hạn nợ bằng cách đảo nợ và giao cho Sở Giao dịch thực hiện. Thông qua việc Công ty BP ký Hợp đồng mua bán nợ cho Công ty Quản lý nợ và khai thác tài sản Ngân hàng P (Công ty AMC-PNB) để lấy tiền tất toán Hợp đồng tín dụng lần 2; Công ty BP và Sở Giao dịch tiếp tục ký Hợp đồng tín dụng lần 3 để vay tiền trả cho Công ty AMC-PNB. Việc ký Hợp đồng tín dụng lần 3 như sau:

Ngày 29/5/2009, Dương Thanh C, Tổng Giám đốc Công ty BP chỉ đạo Phạm Hoàng Th1, Phó Giám đốc tiếp tục lập, ký Hồ sơ đề nghị vay vốn tại Sở Giao dịch số tiền 80 tỷ đồng và 9.000 lượng vàng SJC, mục đích ghi trong hồ sơ xin vay để đầu tư Dự án và bổ sung vốn kinh doanh; hồ sơ về tài sản đảm bảo là 23 QSDĐ nông nghiệp vẫn như 02 lần vay trên. Ngày 04/6/2009, các cán bộ tín dụng Sở Giao dịch là Phạm Trường G, Trần Quang Th và Nguyễn T đã lập và ký Tờ trình thẩm định tín dụng đề xuất cho vay đối với Công ty BP, số tiền vay 80 tỷ đồng và 9.000 lượng vàng SJC, mục đích vay ghi trong hồ sơ là đầu tư Dự án và bổ sung vốn kinh doanh. HĐTD Sở Giao dịch gồm: Nguyễn Thị Xuân Tr1, Giám đốc Sở Giao dịch (Chủ tịch HĐTD); Trịnh Văn T, Phó Giám đốc Sở Giao dịch (Ủy viên Thường trực HĐTD); Trịnh Bích Ng, Trưởng phòng Kinh doanh (Ủy viên HĐTD); Trần Duy M, Thư ký HĐTD họp thống nhất và có Tờ trình đề xuất HĐTD Ngân hàng P phê duyệt khoản vay do vượt hạn mức cấp tín dụng của Sở Giao dịch: Cho Công ty BP vay 80 tỷ đồng và 9.000 lượng vàng SJC.

Ngày 05/6/2009, HĐTD Ngân hàng P gồm: Phan Huy Kh, Tổng Giám đốc (Chủ tịch HĐTD); Đoàn Thùy Nguyệt A, Trưởng phòng Quản lý các chi nhánh (Phó Chủ tịch HĐTD); Trần Thị Mai L, Ủy viên kiêm Thư ký HĐTD đã ký Biên bản họp HĐTD thống nhất đề xuất của Sở Giao dịch. Trầm B, Phó Chủ tịch HĐQT Ngân hàng P đã phê duyệt đồng ý cho Sở Giao dịch cho Công ty BP vay với tài liệu hồ sơ tín dụng trên như đề xuất của HĐTD Sở Giao dịch.

Cùng ngày 05/06/2009, Nguyễn Thị Xuân Tr1, Giám đốc Sở Giao dịch và Phạm Hoàng Thọ, Phó Giám đốc Công ty BP ký Hợp đồng tín dụng số 026/06/09 (*Hợp đồng lần 3*), nội dung: Sở Giao dịch cho Công ty BP vay 80 tỷ đồng và 9.000 lượng vàng SJC. Số tiền Sở Giao dịch giải ngân cho Công ty BP vay của Hợp đồng tín dụng lần 3 là 79,8 tỷ đồng và 9.000 lượng vàng SJC quy đổi ra tiền đồng, số tiền giải ngân tổng cộng là 271,5 tỷ đồng, Dương Thanh C dùng để chuyển trả cho Công ty AMC-PNB 261.263.940.000 đồng (bằng số tiền mua bán nợ) để nhận lại 23 giấy chứng nhận QSDĐ tiếp tục thế chấp cho Sở Giao dịch, còn lại 10.236.060.000 đồng C đã dùng để trả lãi của Hợp đồng tín dụng lần 3. Với Hợp đồng tín dụng lần 3, Dương Thanh C dùng để thanh toán, trả nợ, thanh lý Hợp đồng mua bán nợ trong nội bộ Ngân hàng P hết số tiền được giải ngân. Ngày 05/01/2010, Dương Thanh C đã làm thủ tục gán nợ 23 QSDĐ cho Ngân hàng P để cân trừ nợ.

Cũng như 02 lần cho vay trên, theo quy định của Ngân hàng Nhà nước thì việc quyết định phê duyệt cấp tín dụng phải đủ điều kiện cấp tín dụng thì mới được phép cấp tín dụng, không thể nêu ra các điều kiện để cấp tín dụng.

Hành vi của các bị can Phạm Trường G, Trần Quang Th, Nguyễn Thị Xuân Tr1, Nguyễn Bích Nga, Phan Huy Kh và Trầm B ở lần vay thứ ba đã vi phạm Quy chế cho vay ban hành kèm theo Quyết định 1627/2001/QĐ-NHNN ngày 31/12/2001 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam. Với Hợp đồng tín dụng lần 3, Dương Thanh C dùng để thanh toán, trả nợ, thanh lý Hợp đồng mua bán nợ trong nội bộ Ngân hàng P hết số tiền được giải ngân.

Theo Kết luận giám định tư pháp của Giám định viên Ngân hàng Nhà nước Việt Nam thì tổng dư nợ gốc, lãi tạm tính đến ngày 05/01/2010 của Công ty BP là 81.771.150.275 đồng và 9.250,53 lượng vàng SJC (nợ gốc 79,8 tỷ đồng và 9.000 lượng vàng SJC; nợ lãi 1.971.150.275 đồng và 205,53 lượng vàng SJC) quy đổi ra tiền đồng, tổng cộng là 331.517.179.175 đồng. Tuy nhiên, tại Văn bản số 3220/2019/CV-PL ngày 02/10/2019 của Ngân hàng TMCP S (Sbank) xác định: Căn cứ vào sổ sách theo dõi của Ngân hàng P, sau đó được bàn giao cho Ngân hàng Sbank, thì tổng giá trị khoản phải thu nợ của Công ty BP là 505.225.530.275 đồng. Như vậy, số tiền tổng dư nợ của Công ty BP là 505.225.530.275 đồng (*bao gồm nợ gốc, lãi được Ngân hàng P theo dõi, bàn giao cho Sbank tiếp tục theo dõi, thu nợ theo quy định của Ngân hàng Nhà nước*) được xác định là thiệt hại của Ngân hàng P (nay là Sbank) trong vụ án này.

2. Thực trạng khu đất 10,5 ha tại xã P, huyện B, thành phố Hồ Chí Minh

Cơ quan điều tra đã tiến hành xác minh về pháp lý và thực trạng 10,5 ha đất nông nghiệp mà Dương Thanh C sử dụng làm tài sản thế chấp, kết quả như sau: Khu đất có diện tích 10,5 ha thể hiện trên 23 GCN QSDĐ gồm 54 thửa đất, trong đó:

- Có 47 thửa đất thuộc quy hoạch Trung tâm kỹ thuật cao - Khu chức năng số 14 thuộc xã P, huyện B và Phường 7, Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh. Pháp lý Khu chức năng số 14 như sau: Ngày 8/12/1994, Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 749/TTg về việc phê duyệt quy hoạch chung Khu đô thị mới B - N1, Nam Thành phố Hồ Chí Minh; ngày 16/11/1996, Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 865/TTg về việc thu hồi và giao cho Công ty Phát triển công nghiệp Tân Thuận (nay là Công ty TNHH Phát triển P gọi tắt là Công ty P) thuê đất để góp vốn đầu tư liên doanh với nước ngoài xây dựng phát triển 05 cụm đô thị (Khu A, B, C, D, E) trong Khu đô thị mới B - N1, Nam Thành phố Hồ Chí Minh, Khu C được quy hoạch là Khu Trung tâm kỹ thuật cao. Ngày 04/9/1999, UBND Thành phố Hồ Chí Minh có Quyết định số 6555/QĐ-UB về việc điều chỉnh quy hoạch chi tiết xây dựng Khu Đô thị mới Nam Thành phố; ngày 28/12/2012, UBND Thành phố Hồ Chí Minh có Quyết định số 6692/QĐ-UB về việc duyệt Đồ án quy hoạch chi tiết (quy hoạch phân khu) xây dựng Khu Đô thị mới Nam Thành phố. Hiện chưa có quyết định thu hồi và giao đất của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cho Công ty P.

- 06 thửa đất nằm trong quy hoạch thuộc Dự án nhà ở khu dân cư H - Khu 13A - Khu chức năng số 13 đã có Quyết định số 4592/QĐ-UB ngày 06/11/2002 của UBND Thành phố Hồ Chí Minh về thu hồi và giao đất cho Tổng Công ty xây dựng công trình G, nay là Công ty cổ phần Xây dựng công trình và Đầu tư địa ốc H (gọi

tất là Công ty H) để đầu tư xây dựng và kinh doanh khu nhà ở tại xã P, huyện B và Phường 7, Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh thuộc Khu đô thị mới Nam Thành phố. Các thửa đất này, Công ty H đã thực hiện việc đền bù xong với tổng cộng số tiền 438.800.000 đồng và 02 đất nền tái định cư 06A18 diện tích 100 m²; 61A18 diện tích 158,6 m² (theo các Phiếu chi số 1278 ngày 28/9/2004; số 1687, 1688 ngày 20/12/2004).

- 01 thửa đất (1155 Tờ Bản đồ số 4, Bộ địa chính xã P, huyện B) không thuộc quy hoạch Khu đô thị mới Nam Thành phố, thuộc chức năng quy hoạch đất dân cư hiện hữu cải tạo và đường giao thông.

Việc Công ty TP nhận chuyển nhượng 23 QSDĐ nông nghiệp của các hộ dân là không đúng quy định của pháp luật đất đai nên không thể chuyển giấy chứng nhận quyền sở hữu, sử dụng đất sang tên Công ty TP. Hiện nay, 23 QSDĐ đất nông nghiệp nêu trên đang bị kê biên theo Lệnh Kê biên số 23/C03-P12 ngày 09/11/2018 của Cơ quan CSĐT Bộ Công an. Tại Bản án hình sự phúc thẩm số 702/2019/HS-PT ngày 18/11/2019 đối với Dương Thanh C về tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản của Ngân hàng Abank, Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh đã xét xử và quyết định *“Tiếp tục kê biên 23 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và các hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất để đảm bảo thi hành án cho Ngân hàng Abank chi nhánh 6 đối với nghĩa vụ của Dương Thanh C với số tiền 171,2 tỷ đồng trong tổng số tiền Dương Thanh C có nghĩa vụ bồi thường cho Ngân hàng Abank chi nhánh 6 theo quyết định tại Bản án hình sự sơ thẩm số 329/2015/HS-ST ngày 05/01/2015 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh và Bản án hình sự phúc thẩm số 186/2016/HS-PT ngày 11/5/2016 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh. Kiến nghị Cơ quan điều tra Bộ Công an tiếp tục duy trì quyết định kê biên phần giá trị còn lại (sau khi trừ đi 171,2 tỷ đồng) để đảm bảo cho việc khắc phục hậu quả, bồi thường của Dương Thanh C đối với Ngân hàng Sbank trong vụ án này”*.

Theo kết luận của Hội đồng định giá tài sản trong Tổ tụng hình sự thành phố Hồ Chí Minh thì khu đất 10,5 ha đất ghi trên 23 giấy chứng nhận QSDĐ trên, thời điểm tháng 4/2017 có tổng giá trị là 582.474.237.000 đồng.

3. Kết luận giám định tư pháp

Ngày 07/7/2017, Cơ quan CSĐT (C03) Bộ Công an đã ra Quyết định trưng cầu giám định tư pháp về ngân hàng. Ngày 13/4/2018, Giám định viên NHNN đã ban hành Kết luận giám định có nội dung:

“Về điều kiện vay vốn: Các cán bộ Ngân hàng P cho Công ty BP vay tiền khi Công ty BP không đủ điều kiện vay vốn theo quy định của pháp luật, vi phạm Khoản 3, 4, 5 Điều 7 Quy chế cho vay ban hành kèm theo Quyết định 1627/2001/QĐ-NHNN ngày 31/12/2001 của Thống đốc NHNN (Quyết định 1627), cụ thể: Cho Công ty BP vay khi pháp lý Dự án chưa được cấp thẩm quyền phê duyệt, khả năng tài chính không đảm bảo trả nợ trong thời hạn cam kết, phương án không khả thi là vi phạm Khoản 3, 4 Điều 7 Quyết định 1627; nhận tài sản thế chấp là QSDĐ khi không công chứng, đăng ký giao dịch bảo đảm vi phạm quy định tại Khoản 1 Điều 12 Nghị định 163/2006/NĐ-CP ngày 29/12/2006 của Chính phủ về giao dịch bảo đảm; vi phạm Khoản 5 Điều 7 Quyết định 1627 và Khoản 1 Điều 106

Luật Đất đai năm 2003. Ngân hàng P cho Công ty BP vay với tài sản đảm bảo là 23 QSDĐ của bên thứ 3 (Công ty TP) khi chưa đủ điều kiện pháp lý (23 QSDĐ nông nghiệp do Công ty TP mua từ các hộ dân, có hợp đồng mua bán qua công chứng), nhưng chưa thực hiện hoàn thiện thủ tục chuyển quyền sử dụng và đăng ký giao dịch đảm bảo dẫn đến nhiều rủi ro khi xử lý tài sản đảm bảo.

Ngoài ra, các cán bộ Ngân hàng P còn có những vi phạm sau:

+ Vi phạm về thẩm định cho vay: Thẩm định xét duyệt cho vay đối với 03 Hợp đồng tín dụng khi chưa đủ điều kiện vay vốn; chưa chặt chẽ, chưa thu thập đầy đủ hồ sơ pháp lý, các thông tin tài liệu làm căn cứ theo quy định của pháp luật; chưa đánh giá được năng lực tài chính, quy mô hoạt động của khách hàng; việc thẩm định vay vốn của khách hàng chưa có cơ sở... vi phạm Khoản 2 Điều 15 Quyết định 1627;

+ Vi phạm về hồ sơ vay vốn và thời hạn vay vốn: Cho vay vốn khi chưa thu thập đầy đủ hồ sơ tài liệu cần thiết chứng minh đủ điều kiện vay vốn theo quy định, vi phạm Điều 14 Quyết định 1627; xác định thời hạn cho vay không phù hợp vi phạm Điều 10 Quyết định 1627;

+ Vi phạm về kiểm tra, giám sát vốn vay: Chưa thực hiện đúng quyền và trách nhiệm kiểm tra, giám sát quá trình vay vốn, sử dụng vốn vay và trả nợ khách hàng, vi phạm Khoản 5 Điều 1 Quyết định 127/2005/QĐ-NHNN ngày 03/02/2005 của NHNN về sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định 1627.

Về trách nhiệm cá nhân vi phạm, Giám định viên kết luận, gồm: Các cán bộ thẩm định; những người trong HĐTD Sở Giao dịch; những người trong HĐTD và HĐQT (phần phê duyệt đồng ý cho vay là Trầm B) của Ngân hàng P đã tham gia thẩm định, xét duyệt, đề xuất/cho vay và phê duyệt cho Công ty BP vay tiền tại Sở Giao dịch Ngân hàng P đối với các hợp đồng tín dụng trên”.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 282/2020/HSST ngày 30 tháng 7 năm 2020, Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh quyết định:

Căn cứ điểm a khoản 4 Điều 174; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 56 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017:

Xử phạt bị cáo Dương Thanh C 16 (mười sáu) năm tù, về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Tổng hợp hình phạt tù Chung thân tại Bản án số 237/2018/HSST ngày 10/7/2018 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, buộc bị cáo phải chấp hành chung hình phạt của 02 bản án là: Tù chung thân. Thời hạn tù tính từ ngày 03/10/2012.

Căn cứ khoản 3 Điều 179 Bộ luật Hình sự năm 1999, sửa đổi, bổ sung năm 2009; điểm s, v, t khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54; Điều 56 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017:

Xử phạt bị cáo Trầm B 03 (ba) năm tù, về tội “Vi phạm quy định về cho vay trong hoạt động của các tổ chức tín dụng”. Tổng hợp hình phạt 04 năm tù về tội: Cố ý làm trái quy định của Nhà nước về quản lý kinh tế gây hậu quả nghiêm trọng” theo Bản án số 268/2018/HSST ngày 06/8/2018 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, buộc bị cáo chấp hành hình phạt chung của 02 bản án là: 07 (bảy) năm tù.

Thời hạn tù tính từ ngày 01/8/2017.

Căn cứ khoản 3 Điều 179 Bộ luật Hình sự năm 1999, sửa đổi, bổ sung năm 2009; điểm s, v, t khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54; Điều 56 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017:

Xử phạt bị cáo Phan Huy Kh 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù, về tội “Vi phạm quy định về cho vay trong hoạt động của các tổ chức tín dụng”. Tổng hợp hình phạt 03 năm tù về tội: Cố ý làm trái quy định của Nhà nước về quản lý kinh tế gây hậu quả nghiêm trọng” theo Bản án số 268/2018/HSST ngày 06/8/2018 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, buộc bị cáo chấp hành hình phạt chung của 02 bản án là: 05 (năm) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 01/8/2017.

Căn cứ khoản 3 Điều 179 Bộ luật Hình sự năm 1999, sửa đổi, bổ sung năm 2009; điểm s, t khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Ngô Văn H 02 (hai) năm tù, về tội “Vi phạm quy định về cho vay trong hoạt động của các tổ chức tín dụng”. Thời hạn tù tính từ ngày 26/8/2019.

Căn cứ khoản 3 Điều 179 Bộ luật Hình sự năm 1999, sửa đổi, bổ sung năm 2009; điểm s, t khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn Ph 02 (hai) năm tù về tội “Vi phạm quy định về cho vay trong hoạt động của các tổ chức tín dụng”. Thời hạn tù tính từ ngày 26/8/2019.

Căn cứ khoản 3 Điều 179 Bộ luật Hình sự năm 1999, sửa đổi, bổ sung năm 2009; điểm s, t khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Phạm Trường G 01 (một) năm 09 (chín) tháng tù, về tội “Vi phạm quy định về cho vay trong hoạt động của các tổ chức tín dụng”. Thời hạn tù tính từ ngày 27/11/2018.

Căn cứ khoản 3 Điều 179 Bộ luật Hình sự năm 1999, sửa đổi, bổ sung năm 2009; điểm s, t khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Trần Quang Th 01 (một) năm 09 (chín) tháng tù, về tội “Vi phạm quy định về cho vay trong hoạt động của các tổ chức tín dụng”. Thời hạn tù tính từ ngày 27/11/2018.

Căn cứ khoản 3 Điều 179 Bộ luật Hình sự năm 1999, sửa đổi, bổ sung năm 2009; điểm s, n, t khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Phan Thị Hồng V 01 (một) năm 03 (ba) tháng tù, về tội “Vi phạm quy định về cho vay trong hoạt động của các tổ chức tín dụng”. Thời hạn tù tính từ ngày 26/8/2019.

Căn cứ khoản 3 Điều 179 Bộ luật Hình sự năm 1999, sửa đổi, bổ sung năm 2009; điểm s, v, t khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa

đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Trịnh Bích Ng 01 (một) năm 03 (ba) tháng tù về tội “Vi phạm quy định về cho vay trong hoạt động của các tổ chức tín dụng”. Thời hạn tù tính từ ngày 26/8/2019.

Căn cứ khoản 3 Điều 179 Bộ luật Hình sự năm 1999, sửa đổi, bổ sung năm 2009; điểm s, v khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54; Điều 65 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Trầm Viết Tr 01 (một) năm tù, nhưng cho hưởng án treo về tội “Vi phạm quy định về cho vay trong hoạt động của các tổ chức tín dụng”. Thời gian thử thách là 02 (hai) năm tính từ ngày tuyên án.

Giao bị cáo Trầm Viết Tr cho Ủy ban nhân dân phường A, quận B để giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 của Luật thi hành án hình sự. Trong thời gian thử thách nếu bị cáo Trầm Viết Tr cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự từ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Căn cứ Điều 48 Bộ luật Hình sự 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017; Điều 106; Điều 128 Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015:

Buộc bị cáo Dương Thanh C phải có nghĩa vụ bồi hoàn số tiền: 505.225.530.275 đồng (Năm trăm lẻ năm tỷ, hai trăm hai mươi lăm triệu, năm trăm ba mươi ngàn, hai trăm bảy mươi lăm đồng) cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần P (nay là Ngân hàng Thương mại Cổ phần S - Sbank).

Tiếp tục duy trì kê biên phần giá trị còn lại của 23 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có tổng diện tích 105.181,9m² (10,5 ha) và các hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất (sau khi trừ đi 171,2 tỷ đồng - số tiền phải bồi thường cho Ngân hàng Abank chi nhánh 6) để đảm bảo cho việc bồi hoàn số tiền 505.225.530.275 đồng của Dương Thanh C đối với cho Ngân hàng TMCP P (nay là Ngân hàng Thương mại Cổ phần S - Sbank), phần giá trị còn lại (nếu có) tiếp tục được thực hiện cho các nghĩa vụ khác của Dương Thanh C.

Bản chính 23 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất chi tiết gồm:

+Thửa số 64, TB đồ 01, xã P: Giấy chứng nhận QSDĐ số W532684 ngày 25/03/2003 và Hợp đồng chuyển nhượng QSDĐ số 8206/HĐ-CN ngày 17/6/2008.

+Thửa số 85, 143, 144, TB đồ số 01 xã P: Giấy chứng nhận QSDĐ số A707660 ngày 28/12/1994 và Hợp đồng chuyển nhượng QSDĐ số 8121/HĐ-CN ngày 14/06/2008.

+Thửa số 85, 141, 142, TB đồ số 01, xã P: Giấy chứng nhận QSDĐ số X218323 ngày 27/06/2003 và Hợp đồng chuyển nhượng QSDĐ số 8122/HĐ-CN ngày 14/06/2008.

+Thửa đất số 75, TB số 01 xã P: Giấy chứng nhận QSDĐ số A707675 ngày 28/12/1994 và Hợp đồng chuyển nhượng QSDĐ số 6053/HĐ-CN ngày 27/12/2007.

+Thửa số 1595, 1594 TBĐ số 01, xã P: Giấy chứng nhận QSDĐ số Đ783568 ngày 30/06/2004 và Hợp đồng chuyển nhượng QSDĐ số 6052/HĐ-CN ngày 27/12/2007.

+Thửa số 1109, 1110, 1111, 1112, 1155, TBĐ số 04, 05, xã P: Giấy chứng nhận QSDĐ số A707126 ngày 25/01/1992 và Hợp đồng thỏa thuận bồi thường thiệt hại đất ngày 10/3/2008.

+Thửa số 158, 82&81 thuộc TBĐ số 1, xã P: Giấy chứng nhận QSDĐ số A707665 ngày 28/12/1994 và Hợp đồng chuyển nhượng QSDĐ số 8002/HĐ-CN ngày 11/06/2008.

+Thửa số 77, TBĐ số 01, xã P: Giấy chứng nhận QSDĐ số U384615 ngày 28/12/2001 và Hợp đồng chuyển nhượng QSDĐ số 5918 ngày 25/12/2007.

+Thửa số 100&99, TBĐ số 01, xã P: Giấy chứng nhận QSDĐ số C266343 ngày 09/12/1995 và Hợp đồng chuyển nhượng QSDĐ số 8000/HĐ-CN ngày 11/06/2008.

+Thửa đất số 70, 71&72, TBĐ số 01, xã P: Giấy chứng nhận QSDĐ số P283581 ngày 25/05/2001 và Hợp đồng chuyển nhượng QSDĐ số 7999/HĐ-CN ngày 11/06/2008.

+Thửa số 78, TBĐ số 01, xã P: Giấy chứng nhận QSDĐ số T274070 ngày 06/09/2001 và Hợp đồng chuyển nhượng QSDĐ số 5910/HĐ-CN ngày 25/12/2007.

+Thửa số 1579, TBĐ số 01, xã P: Giấy chứng nhận QSDĐ số X229183 ngày 12/08/2003 và Hợp đồng chuyển nhượng QSDĐ số 8123/HĐ-CN ngày 14/06/2008.

+Thửa số 91, 151&90, TBĐ số 01, xã P: Giấy chứng nhận QSDĐ số A707662 ngày 28/12/1994 và Hợp đồng chuyển nhượng QSDĐ số 8124/HĐ-CN ngày 14/06/2008.

+Thửa số 74, 65, 66, TBĐ số 01, xã P: Giấy chứng nhận QSDĐ số A707145 ngày 25/01/1992 và Hợp đồng chuyển nhượng QSDĐ số 8001/HĐ-CN ngày 11/06/2008.

+Thửa số 1608, TBĐ số 01, xã P: Giấy chứng nhận QSDĐ số AC602073 ngày 17/11/2005 và Hợp đồng chuyển nhượng QSDĐ số 5912/HĐ-CN ngày 25/12/2007.

+Thửa số 1607, TBĐ số 01, xã P: Giấy chứng nhận QSDĐ số AC602072 ngày 17/11/2005 và Hợp đồng chuyển nhượng QSDĐ số 5913/HĐ-CN ngày 25/12/2007.

+Thửa số 84, 109, 110, 111, 112, 118, 117, TBĐ số 01: Giấy chứng nhận QSDĐ số C266341 ngày 09/12/1995 và Hợp đồng chuyển nhượng QSDĐ số 5919/HĐ-CN ngày 25/12/2007.

+Thửa số 75, 76, 67, 68, 64, 69, TBĐ số 01: Giấy chứng nhận QSDĐ số A707676 ngày 28/12/1994 và Hợp đồng chuyển nhượng QSDĐ số 5914/HĐ-CN ngày 25/12/2007.

+Thửa số 1593, TBĐ số 01, xã P: Giấy chứng nhận QSDĐ số Đ783567 ngày 30/6/2004 và Hợp đồng chuyển nhượng QSDĐ số 6246/HĐ-CN ngày 28/12/2007.

+ Thửa số 1558, TĐĐ số 01, xã P: Giấy chứng nhận QSDĐ số V357704 ngày 20/06/2002 và Hợp đồng chuyển nhượng QSDĐ số 6247/HĐ-CN ngày 28/12/2007.

+ Thửa số 89, TĐĐ số 01, xã P: Giấy chứng nhận QSDĐ số A707067 ngày 25/01/1992 và Hợp đồng thỏa thuận bồi thường thiệt hại đất ngày 29/01/2008, Giấy chuyển nhượng đất nông nghiệp ngày 10/01/2002.

+ Thửa số 113, 114, 115, 116, TĐĐ số 01, xã P: Giấy chứng nhận QSDĐ số C266356 ngày 09/12/1995 và Hợp đồng chuyển nhượng QSDĐ số 0029/HĐ-CN ngày 02/01/2008.

+ Thửa số 86, TĐĐ số 01, xã P: Giấy chứng nhận QSDĐ số U378094 ngày 27/11/2001 và Hợp đồng chuyển nhượng QSDĐ số 6180/HĐ-CN ngày 28/12/2007.

(Theo lệnh kê biên tài sản số 23/C03-P12 ngày 09/11/2018 của Cơ quan cảnh sát điều tra Bộ Công an)

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo vụ án theo luật định.

Ngày 12/8/2020, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh có Quyết định kháng nghị số 36/QĐ-VKS-P3 đề nghị xét xử phúc thẩm theo hướng tăng hình phạt đối với bị cáo Trầm B, Phan Huy Kh, Phạm Trường G, Trần Quang Th, Phan Thị Hồng V, Trịnh Bích Ng, Ngô Văn H, Nguyễn Văn Ph; không cho bị cáo Trầm Viết Tr hưởng án treo; buộc các bị cáo Trầm B, Phan Huy Kh, Phạm Trường G, Trần Quang Th, Phan Thị Hồng V, Trịnh Bích Ng, Ngô Văn H, Nguyễn Văn Ph, Trầm Viết Tr liên đới với bị cáo Dương Thanh C bồi thường thiệt hại cho Ngân hàng P (nay là Sbank).

Bị cáo Trầm B có đơn kháng cáo kêu oan.

Bị cáo Phan Thị Hồng V có đơn kháng cáo xin xem xét lại phần hình phạt.

Ngày 13/8/2020, bị cáo Ngô Văn H, bị cáo Phan Huy Kh, Nguyễn Văn Ph có đơn kháng cáo xin xem xét lại phần hình phạt; bị cáo Trầm Viết Tr có đơn kháng cáo kêu oan.

Ngân hàng A (Abank) có đơn kháng cáo yêu cầu sửa bản án sơ thẩm theo hướng giao toàn bộ 23 quyền sử dụng đất tại xã P, huyện B cho Abank để thu hồi số tiền bị Dương Thanh C chiếm đoạt.

Ngày 25/8/2020, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh ban hành Quyết định số 39/QĐ-VC3-V1 kháng nghị yêu cầu tăng hình phạt đối với bị cáo Dương Thanh C.

Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo Trầm B, Phan Thị Hồng V, Ngô Văn H, Phan Huy Kh, Nguyễn Văn Ph, Trầm Viết Tr, Ngân hàng A (Abank) vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh vẫn giữ nguyên các quyết định kháng nghị và phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án như sau:

Bị cáo Dương Thanh C phạm tội thuộc trường hợp tái phạm nguy hiểm, số tiền chiếm đoạt đặc biệt lớn, gấp nhiều lần so với số tiền khởi điểm của khung

hình phạt tại khoản 4 Điều 174 Bộ luật hình sự 2015. Bản án sơ thẩm chỉ tuyên xử bị cáo 16 năm tù là chưa tương xứng với hành vi và hậu quả do bị cáo gây ra, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh, tăng hình phạt đối với bị cáo C.

Đối với các bị cáo Trầm B, Phan Huy Kh, Phạm Trường G, Trần Quang Th, Phan Thị Hồng V, Trịnh Bích Ng, Ngô Văn H, Nguyễn Văn Ph, Trầm Viết Tr tiến hành thẩm định hồ sơ vay vốn, ký biên bản đề xuất cho vay, phê duyệt đồng ý cho bị cáo C vay tiền tại Ngân hàng P dù hồ sơ vay của Công ty BP không đủ điều kiện cấp tín dụng và 23 GCNQSDĐ không có giá trị pháp lý để thế chấp, không thể chuyển nhượng, sang tên. Hành vi của các bị cáo là điều kiện đủ để bị cáo C chiếm đoạt tài sản. Bị cáo Trầm B, Trầm Viết Tr kháng cáo kêu oan không có cơ sở chấp nhận. Tòa sơ thẩm tuyên phạt các bị cáo Trầm B, Phan Huy Kh trong khung hình phạt tại khoản 1 Điều 179 BLHS 1999 - dưới khung liên kết là không đúng quy định do các bị cáo là người chịu trách nhiệm chính trong vụ án, phạm tội với lỗi cố ý gây hậu quả đặc biệt nghiêm trọng, không phải là đồng phạm giúp sức trong vụ án. Bị cáo Trầm Viết Tr bị xét xử về tội đặc biệt nghiêm trọng với lỗi cố ý, theo quy định bị cáo không được hưởng án treo; quá trình xét xử sơ thẩm, bị cáo không thừa nhận hành vi phạm tội nên việc Tòa sơ thẩm cho bị cáo hưởng án treo là không đúng. Các bị cáo Phạm Trường G, Trần Quang Th, Phan Thị Hồng V, Trịnh Bích Ng, Ngô Văn H, Nguyễn Văn Ph có vai trò giúp sức tích cực. Các bị cáo nhận thức được hành vi của mình là trái pháp luật, có thể gây ra thiệt hại cho Ngân hàng P nhưng vẫn bỏ mặc hậu quả xảy ra. Mức án Tòa sơ thẩm áp dụng cho các bị cáo là chưa phù hợp, chưa có tác dụng răn đe, giáo dục và chưa đảm bảo mục đích phòng ngừa. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo kêu oan, xin giảm nhẹ hình phạt của các bị cáo thuộc nhóm cán bộ tín dụng; chấp nhận kháng nghị của Viện kiểm sát, tăng hình phạt đối với các bị cáo. Cụ thể: Đề nghị xử phạt bị cáo Dương Thanh C 20 năm tù; bị cáo Trầm B từ 6 đến 7 năm tù; bị cáo Phan Huy Kh, Ngô Văn H từ 5 đến 6 năm tù; bị cáo Phạm Trường G, Trần Quang Th, Phan Thị Hồng V, Trịnh Bích Ng từ 4 đến 5 năm tù; bị cáo Nguyễn Văn Ph từ 3 đến 4 năm tù; bị cáo Trầm Viết Tr từ 2 đến 3 năm tù.

Về trách nhiệm dân sự: trong khi hồ sơ vay của bị cáo thể hiện 23 GCNQSDĐ không đủ điều kiện vay, không có giá trị pháp lý để thế chấp, hành vi của bị cáo C chiếm đoạt tài sản gây thiệt hại cho bị hại 505.225.530.275 đồng, theo Điều 48 BLHS 2015, Điều 587 BLDS 2015 thì các bị cáo phải liên đới bồi thường tùy theo mức độ lỗi, do đó có căn cứ buộc bị cáo C bồi thường 185.297.265.094 đồng đã chiếm đoạt; 09 bị cáo còn lại có trách nhiệm liên đới cùng bị cáo C bồi thường 319.982.265.181 đồng, tổng hai khoản bồi thường là 505.225.530.275 đồng cho Ngân hàng P.

Đối với kháng cáo của Abank 6: 23 GCNQSDĐ là tài sản thế chấp đảm bảo khoản vay của bị cáo C đối với Abank. Bị cáo C dùng số tiền vay từ Abank chi nhánh 6 rồi lấy danh nghĩa công ty TP để nhận chuyển nhượng 23 QSDĐ, sau đó đã dùng các tài sản hình thành từ vốn vay này thế chấp trở lại cho Abank. Như vậy, số tài sản này có nguồn gốc từ số tiền vay của Abank nhưng chủ thể đứng ra nhận chuyển nhượng là công ty TP, không phải Abank. Hơn nữa, ngân hàng cũng không được phép nhận chuyển nhượng QSDĐ theo quy định của Luật tổ chức tín dụng. Do

đó, kháng cáo của Abank cho rằng 23 GCNQSDD này hoàn toàn thuộc về Abank là không có căn cứ. Nghĩa vụ dân sự của bị cáo C đối với Abank đã được xem xét giải quyết tại Bản án phúc thẩm số 702/2019/HSPT ngày 18/11/2019 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh. Kháng cáo của Abank là không có cơ sở chấp nhận.

Luật sư Nguyễn Trinh Đ bào chữa cho bị cáo Dương Thanh C trình bày: Theo như hồ sơ vụ án, việc đã sử dụng 23 quyền sử dụng đất thế chấp tại Ngân hàng A Chi nhánh 6 nhưng vẫn thế chấp tại Ngân hàng P để vay tiền bị cáo Dương Thanh C đã bị truy cứu trách nhiệm hình sự tại Bản án phúc thẩm số 702/2019/HS-PT ngày 18/11/2019 của Tòa án cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh và đã bị xử phạt tù chung thân về hành vi này. Do vậy, không thể truy cứu trách nhiệm đối với hành vi này thêm một lần nữa. Mặt khác, kháng nghị của Viện kiểm sát cấp cao là vượt quá phạm vi truy tố của Viện kiểm sát bởi trong kết luận điều tra và cáo trạng cũng như luận tội của Viện kiểm sát tại phiên tòa sơ thẩm đều xác định số tiền chiếm đoạt là 185.297.265.094 đồng. Như vậy, có nghĩa là bị cáo chỉ phải chịu trách nhiệm hình sự đối với số tiền chiếm đoạt là 185.297.265.094 đồng. Kháng nghị của Viện kiểm sát cấp cao yêu cầu tăng hình phạt vì lý do bị cáo gây thiệt hại 505.225.530.275 đồng là không đúng. Mức hình phạt cấp sơ thẩm tuyên đã tuyên đối với bị cáo là phù hợp nên đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng nghị yêu cầu tăng hình phạt đối với bị cáo C. Về phần dân sự, Luật sư thống nhất một phần kháng nghị, bị cáo chiếm đoạt 185.297.265.094 đồng thì phải trả lại 185.297.265.094 đồng là phù hợp. Phần thiệt hại 505.225.530.275 đồng không phải do hành vi phạm tội gây ra mà do bị cáo không thực hiện nghĩa vụ liên quan hợp đồng tín dụng. Nếu là hành vi phạm tội gây ra thì phải áp dụng quy định về bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng để xử lý.

Luật sư Nguyễn Thị Mai H bào chữa cho bị cáo Trầm B trình bày: Hành vi của bị cáo Trầm B chưa đủ yếu tố cấu thành tội “Vi phạm quy định về cho vay của các tổ chức tín dụng”, bởi lẽ theo quan điểm của Viện kiểm sát, thiệt hại của Ngân hàng P là do hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản của bị cáo Dương Thanh C gây ra. Ngân hàng P chỉ thiệt hại hơn 80 tỷ đồng và hơn 9000 lượng vàng SJC, là khoản nợ ngân hàng P cho Công ty BP vay. Do không có khả năng thanh toán, hiện nay công ty BP, TP đã đề xuất gán 23 GCNQSDD cho Ngân hàng P xử lý nên thiệt hại không xảy ra. Cơ quan tố tụng không chứng minh được mối quan hệ nhân quả giữa hành vi của bị cáo Trầm B với thiệt hại xảy ra. Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng nghị của Viện kiểm sát, chấp nhận kháng cáo của bị cáo, sửa án sơ thẩm theo hướng tuyên bị cáo Trầm B không phạm tội, không buộc bị cáo liên đới bồi thường cho Ngân hàng P.

Luật sư Nguyễn Thị Huyền Tr bào chữa cho bị cáo Phan Huy Kh trình bày: Bị cáo Khang thành khẩn khai nhận hành vi do mình gây ra, bị cáo không cố ý phạm lỗi mà chỉ do nhận thức sai khi nhận các báo cáo của cấp dưới và trình cho Hội đồng tín dụng xét duyệt. Bị cáo chỉ có hành vi vi phạm duy nhất là ký biên bản họp đồng ý cho Công ty BP vay. Việc quyết định hoàn toàn do Hội đồng tín dụng quyết định. Về trách nhiệm dân sự, việc xác định thiệt hại 505 tỷ đồng dựa trên cách thức lấy theo số liệu ghi trên sổ sách của Ngân hàng Sbank là không hợp lý. Viện kiểm sát kháng nghị buộc bị cáo liên đới bồi thường với bị cáo Dương Thanh C là không có cơ sở vì

bị cáo chỉ có 01 hành vi vi phạm là ký biên bản họp xét duyệt cho vay, không hưởng lợi trong vụ án. Hơn nữa, tài sản thế chấp dù không có giá trị pháp lý nhưng có giá trị về thực tiễn. Theo kết luận của hội đồng định giá thì 23 GCNQSDĐ này có giá trị đến hơn 582 tỷ. Bộ luật dân sự quy định tài sản để bảo đảm nghĩa vụ có thể là tài sản hình thành trong tương lai. Công ty BP thế chấp cho Ngân hàng bằng 01 dự án hình thành trong tương lai chứ không phải chỉ 23 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất này. Như vậy, thiệt hại đến thời điểm này vẫn chưa xảy ra. Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng nghị, chấp nhận kháng cáo của bị cáo, giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo Khang.

Luật sư Nguyễn Anh T bào chữa cho bị cáo Ngô Văn H trình bày: Luật sư thống nhất với tội danh Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử và đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo H với lý do bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn, hối cải, bị cáo phạm tội không vì mục đích tư lợi cá nhân, bị cáo chỉ là người làm công ăn lương, mức độ phạm tội của bị cáo là hạn chế, Ngân hàng Sbank đã đề nghị giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo; ngoài ra giá trị 23 quyền sử dụng đất đủ giá trị để khắc phục thiệt hại xảy ra như các Luật sư đồng nghiệp đã phân tích.

Luật sư Phan Hồng V bào chữa cho bị cáo Phan Thị Hồng V trình bày: Đại diện Viện kiểm sát cho rằng bị cáo V không có tình tiết mới để giảm nhẹ hình phạt là không đúng. Bởi lẽ, bị cáo V có tài liệu chuẩn đoán bị bệnh nặng, tiền ung thư. Quá trình ở trại tạm giam, bị cáo cũng đã phải mổ chân, đề nghị xem xét đây là một tình tiết giảm nhẹ. Ngoài ra, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét bị cáo tham gia với vai trò hạn chế, Hội đồng xét duyệt có 06 người tham gia, bị cáo ký vào biên bản do có nhiều yếu tố tác động. Về thiệt hại của ngân hàng P, kết quả giám định cho thấy đến hôm nay chưa có cơ sở xác định thiệt hại là bao nhiêu, do giá trị của 23 quyền sử dụng đất lớn hơn thiệt hại thực tế. Trường hợp bị cáo V có hành vi vi phạm nhưng chưa gây thiệt hại hay thiệt hại không đáng kể thì có thể áp dụng điểm h khoản 1 Điều 51 BLHS cho bị cáo V. Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng nghị yêu cầu tăng hình phạt đối với bị cáo. Vào ngày 26/11/2020, bị cáo đã được tại ngoại do thời hạn tạm giam bằng mức án Tòa sơ thẩm tuyên nên việc xin giảm nhẹ hình phạt là không cần thiết nữa nên Luật sư đề nghị Hội đồng xét xử giữ y mức án Tòa sơ thẩm đã tuyên đối với bị cáo.

Về trách nhiệm dân sự, Luật sư thống nhất với ý kiến của các Luật sư khác, xác định bị cáo C có hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản thì cần buộc bị cáo C chịu trách nhiệm bồi thường toàn bộ; không buộc các bị cáo là cán bộ tín dụng phải liên đới bồi thường.

Luật sư Võ Cát T bào chữa cho bị cáo Trịnh Bích Ng trình bày: Các bị cáo là cán bộ tín dụng của ngân hàng chỉ là nạn nhân của hành vi lừa đảo do bị cáo C thực hiện bởi nếu biết 23 GCNQSDĐ đã thế chấp tại Ngân hàng Abank 6 thì Ngân hàng P sẽ không cho vay. Mặt khác, khi đã có hành vi lừa đảo, vi phạm pháp luật hình sự thì giao dịch dân sự cho vay cũng không tồn tại, do đó không thể là nguyên nhân gây ra thiệt hại cho ngân hàng. Đồng thời, thiệt hại cũng chưa xác định được và nếu có thiệt hại thì thiệt hại này cũng là do hành vi lừa đảo bị cáo C chứ không phải xuất phát từ hành vi vi phạm của nhóm bị cáo ngân hàng. Việc quy đổi vàng ở thời điểm năm 2013 là vấn đề của nội bộ ngân hàng, không liên quan đến hành vi của các bị cáo. Bị cáo N không hưởng lợi gì từ hành vi của bị cáo C nên án sơ thẩm không

buộc bị cáo N liên đới bồi thường là đúng. Về trách nhiệm hình sự, bị cáo chỉ là người làm công ăn lương, không có vai trò quyết định trong việc cho vay; bị cáo ký vào biên bản họp Hội đồng tín dụng do tin tưởng vào hồ sơ cho vay đã được thẩm định, mức độ tham gia là hạn chế. Bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự, có thành tích tốt trong quá trình học tập và làm việc; bị cáo luôn tỏ thái độ ăn năn, hối cải, thành khẩn khai báo, phối hợp với cơ quan tố tụng để làm sáng tỏ vụ án. Ngoài ra, cha mẹ bị cáo có những đóng góp tích cực cho sự phát triển của đất nước, được nhà nước tặng huy chương vì sự nghiệp giao thông vận tải năm 1995. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng nghị của Viện kiểm sát, chấp nhận kháng cáo của bị cáo, giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Luật sư Lê Khắc A bào chữa cho bị cáo Nguyễn Văn Ph trình bày: Bản án sơ thẩm đã đánh giá những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo và xét xử mức án phù hợp. Về dân sự, hành vi chính gây ra thiệt hại cho ngân hàng P là hành vi lừa đảo của bị cáo C, bị cáo Phong không gây ra thiệt hại này. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng nghị đối với bị cáo Phong; giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Luật sư Nguyễn Ngọc Ph bào chữa cho bị cáo Phạm Trường G trình bày: Án sơ thẩm nhận định bị cáo có vai trò thứ yếu, có nhiều tình tiết giảm nhẹ, trong đó có 02 tình tiết tại khoản 1, 01 tình tiết tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự nên xử phạt bị cáo mức án 01 năm 9 tháng tù là phù hợp. Bởi lẽ, bị cáo G phạm tội chịu sự phụ thuộc, chỉ đạo của người sử dụng lao động, cụ thể là bà Trang là giám đốc hội sở giao dịch; chủ trương cho vay từ lãnh đạo của Ngân hàng P, tại phiên tòa hôm nay, bị cáo C xác định trình hồ sơ cho Trầm B, hành vi sai phạm của bị cáo G là vi chủ trương của lãnh đạo ngân hàng; bị cáo G chỉ là cán bộ tín dụng, phải thi hành chỉ đạo của giám đốc. Về trách nhiệm dân sự, Luật sư thống nhất với ý kiến của các Luật sư khác, đồng thời tại phiên tòa sơ thẩm bị hại yêu cầu và bị cáo C đồng ý bồi thường nên Tòa án cấp sơ thẩm buộc bị cáo C bồi thường toàn bộ thiệt hại là đúng. Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng nghị, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Luật sư Nguyễn Huy Ph bào chữa cho bị cáo Trần Quang Th trình bày: Về hình phạt, bị cáo thống nhất với bản án sơ thẩm. Hành vi của bị cáo Th rất mờ nhạt, bị cáo chỉ là người làm công ăn lương, phải làm theo chỉ đạo của cấp trên. Bị cáo đã nhận hồ sơ tín dụng với nội dung xem xét cho vay. Bị cáo Th đã đến tận nơi để tìm hiểu và thấy rằng bị cáo C đang thực hiện dự án. Tài sản bảo đảm của bị cáo C chưa đủ điều kiện sang tên, nên theo quy định cán bộ tín dụng phải lập tờ trình trình lên cấp trên, bị cáo đã chuyển đủ các thông tin cho cấp trên, vì việc ký tờ trình này mà bị cáo bị buộc tội. Trong quá trình thực hiện công việc, bị cáo đều báo cáo cấp trên, không vụ lợi. Về dân sự, việc thế chấp tài sản không đăng ký giao dịch bảo đảm không trực tiếp dẫn đến rủi ro, bị cáo C đã bàn giao tài sản, ngăn chặn rủi ro, việc ngân hàng Sbank không xử lý được tài sản do tài sản này liên quan đến nhiều vụ án lừa đảo khác do bị cáo C gây ra. Mặt khác, thiệt hại cũng chưa được xác định. Do đó, nếu có bồi thường thì bị cáo C phải bồi thường độc lập, bị cáo Th không có trách nhiệm liên đới. Đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Bị cáo Trầm Viết Tr trình bày: Bị cáo chỉ ký biên bản họp Hội đồng tín dụng của Sở giao dịch đối với hồ sơ cho vay lần đầu. Về khả năng trả nợ, ngân hàng nhà nước kết luận kể từ lần vay thứ 2 bị cáo C mất khả năng trả nợ. Lần vay đầu bị cáo C

có mục đích vay là thực hiện dự án, dự án này đã được cấp phép, tại sơ thẩm, bị cáo C khai khai do lần vay đầu không đạt được mục đích chiếm đoạt tài sản đã trả lãi để tạo lòng tin. Mặt khác, ngân hàng nhà nước kết luận chưa có thiệt hại xảy ra. Bị cáo chỉ tham gia ký hồ sơ cho vay lần đầu tiên; bị cáo không biết bị cáo C, bị cáo không được lợi ích gì, việc ký cho vay của bị cáo là đúng quy trình. Bị cáo cũng không có quyền quyết định việc cho vay. Ngoài ra, gia đình bị cáo có công cách mạng, ông ngoại là liệt sĩ. Đề nghị Hội đồng xem xét miễn trách nhiệm hình sự cho bị cáo.

Về trách nhiệm dân sự, bị cáo chỉ cho vay lần đầu, từ lần cho vay thứ 2 trở đi bị cáo không tham gia, kể từ lần vay thứ hai ngân hàng mới cho vay vàng và tiền Việt, tỷ lệ cho vay lên tới 85%, dẫn đến bị cáo C không còn khả năng trả nợ, nên việc Viện kiểm sát kháng nghị buộc bị cáo liên đới bồi thường là không đúng.

Luật sư Trần Ngọc H bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Ngân hàng TMCP P (nay là Ngân hàng TMPC S) trình bày: Phía ngân hàng xác định bị cáo C đã chiếm đoạt số vàng 9.205,53 lượng vàng SJC chứ không phải là tiền mặt, vì hợp đồng thứ 3 chỉ là đảo hạn hợp đồng thứ 2, tại cơ quan điều tra và phiên tòa sơ thẩm, bị cáo cũng thừa nhận chiếm đoạt vàng của ngân hàng. Như vậy, hành vi duy nhất và trực tiếp gây ra thiệt hại cho Ngân hàng là hành vi lừa đảo của bị cáo C chứ không phải hành vi vi phạm quy chế cho vay. Bị cáo chiếm đoạt số tiền này một mình, hưởng lợi một mình nên chỉ có một mình bị cáo phải chịu trách nhiệm bồi thường. Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm giữ nguyên bản án sơ thẩm về phần trách nhiệm dân sự, tiếp tục kê biên 23 quyền sử dụng đất để đảm bảo thực hiện nghĩa vụ bồi thường cho Ngân hàng P.

Bà Trần Thị Thanh H đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng A chi nhánh 6 trình bày: Bị cáo C có vay 628 tỷ của Ngân hàng Abank chi nhánh 6 và sử dụng 23 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại xã P để đảm bảo khoản vay. Sau đó, bị cáo có làm công văn mượn lại 23 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất này và chiếm đoạt để thế chấp cho P. Lẽ ra phải coi 23 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất này là vật chứng của vụ án bị cáo Dương Thanh C lừa đảo chiếm đoạt tiền của Ngân hàng Abank và trả lại cho Ngân hàng Abank. Tại 05 bản án hình sự liên quan đến 23 quyền sử dụng đất này đều xác định đây là vật chứng của trong vụ án lừa đảo của Ngân hàng Abank chi nhánh 6; nghĩa vụ của bị cáo C đối với Ngân hàng Abank 6 là rất lớn nhưng lại chỉ được dùng 171,2 tỷ trong tổng giá trị của 23 quyền sử dụng đất này để khắc phục cho số tiền thiệt hại bị cáo C gây ra là không hợp lý. Mặt khác, về nguồn gốc hình thành 23 quyền sử dụng đất này do bị cáo C dùng tiền vay của Abank chi nhánh 6 để nhận chuyển nhượng và thế chấp tài sản hình thành từ vốn vay cho ngân hàng. Hành vi của bị cáo C chiếm đoạt của Abank 23 quyền sử dụng đất chứ không phải 171,2 tỷ đồng. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét lại phần xử lý vật chứng, tiếp tục kê biên 23 quyền sử dụng đất tại xã P để đảm bảo nghĩa vụ hoàn trả cho tiền chiếm đoạt cho Ngân hàng Abank 6 của bị cáo Dương Thanh C.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Quyết định kháng nghị số 36/QĐ-VKS-P3 ngày 12/8/2020 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, Quyết định kháng nghị số 39/QĐ-VC3-V1 ngày 25/8/2020 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh và kháng cáo của các bị cáo Trần B, Phan Thị

Hồng V, Ngô Văn H, Phan Huy Kh, Nguyễn Văn Ph, Trần Viết Tr, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ngân hàng A (Abank) nằm trong hạn luật định, hợp lệ nên được Hội đồng xét xử xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2] Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo khai nhận thực hiện hành vi khách quan như bản án sơ thẩm đã nêu. Lời khai nhận của các bị cáo phù hợp với lời khai của bị hại, người có quyền và nghĩa vụ liên quan và người làm chứng về thời gian, địa điểm, hành vi phạm tội, vật chứng của vụ án, các kết luận giám định, đồng thời phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án được xét tại phiên tòa. Như vậy, có đủ cơ sở kết luận:

Công ty TNHH sản xuất xây dựng và thương mại TP do Dương Thanh C thành lập và điều hành hoạt động. Để thực hiện dự án đầu tư xây dựng cao ốc căn hộ và khu biệt thự tại xã P, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh, Dương Thanh C đã lập hồ sơ vay của Ngân hàng A chi nhánh 6 (Abank chi nhánh 6) số tiền 628 tỷ đồng, tài sản đảm bảo là tài sản được hình thành trong tương lai gồm 23 quyền sử dụng đất nông nghiệp tại xã P.

Dương Thanh C biết rõ khu đất nằm trong quy hoạch thuộc Ban quản lý khu Nam Thành phố Hồ Chí Minh nên không thể sang tên 23 quyền sử dụng đất nông nghiệp tại xã P, huyện B cho Công ty TP được, đồng thời Công ty TP đã thế chấp 23 quyền sử dụng đất trên để vay tiền của Ngân hàng Abank chi nhánh 6 nhưng bị cáo mượn lại 23 quyền sử dụng đất từ Ngân hàng Abank chi nhánh 6, sử dụng để bảo lãnh cho Công ty cổ phần xây dựng và thương mại BP (cũng do bị cáo thành lập và điều hành) vay tiền của Ngân hàng TMCP P. Sau khi được Ngân hàng P giải ngân tiền vay, bị cáo không sử dụng tiền vay đúng mục đích hồ sơ vay vốn đã lập mà sử dụng vào mục đích cá nhân và đảo nợ cho các hợp đồng tín dụng trước. Cụ thể:

Ngày 12/4/2008, Ngân hàng P và Công ty BP ký Hợp đồng tín dụng số 025/04/08, số tiền vay 130.000.000.000 đồng. Sau khi Ngân hàng P giải ngân cho Công ty BP vay số tiền 130.000.000.000 đồng, bị cáo C dùng 2.214.133.333 đồng để trả nợ lãi của chính Hợp đồng tín dụng số 025; nhận tiền mặt 127.785.866.667 đồng sử dụng cá nhân.

Ngày 31/5/2008, Ngân hàng P và Công ty BP ký Hợp đồng tín dụng số 034/05/08, số tiền vay 130 tỷ đồng và 5.000 lượng vàng SJC. Ngân hàng P đã giải ngân cho Công ty BP vay số tiền 57.360.000.000 đồng và 9000 lượng vàng; tương ứng 221.300.000.000 đồng. Bị cáo Dương Thanh C dùng 131.399.666.667 đồng để trả toàn khoản nợ của Hợp đồng tín dụng số 025/04/08; dùng 32.388.934.906 đồng trả lãi vay của Hợp đồng số 034/05/08; nhận tiền mặt 57.511.398.427 đồng sử dụng cá nhân.

Ngày 05/6/2009, Ngân hàng P và Công ty BP tiếp tục ký Hợp đồng tín dụng số 026/06/09, số tiền vay 80 tỷ đồng và 9.000 lượng vàng SJC. Ngân hàng P giải ngân cho bị cáo vay số tiền 79.800.000.000 đồng và 9000 lượng vàng, tương ứng 271.500.000.000 đồng. Bị cáo dùng 261.263.940.000 đồng để trả cho Công ty AMC-PNB (Công ty mua bán nợ), tương ứng với số tiền còn phải thanh toán của Hợp đồng tín dụng số 025 và 034; trả lãi 10.236.060.000 đồng cho Hợp đồng tín dụng số 026/06/09.

Do 23 quyền sử dụng đất của Công ty TP không có giá trị là tài sản đảm bảo nên hiện nay Ngân hàng P không thu hồi được tiền vay, tổng cộng 505.225.530.275 đồng.

Các bị cáo là thành viên Hội đồng tín dụng Ngân hàng P, hội đồng tín dụng Sở giao dịch Ngân hàng P và các cán bộ tín dụng của Ngân hàng TMCP P đã thực hiện thẩm định hồ sơ vay, xét duyệt, phê duyệt cho vay không đúng quy định pháp luật, quy chế cho vay của Ngân hàng nhà nước dẫn đến việc bị cáo Dương Thanh C lừa đảo chiếm đoạt tài sản, gây thiệt hại cho Ngân hàng TMCP P, cụ thể: Bị cáo Phạm Trường G, Trần Quang Th trực tiếp thẩm định, lập tờ trình thẩm định hồ sơ đủ điều kiện và đề xuất cho vay; Nguyễn Thị Xuân Tr1, Ngô Văn H họp Hội đồng tín dụng của Sở Giao dịch ký biên bản thống nhất đề xuất Hội đồng tín dụng của Ngân hàng P cho Công ty BP vay tiền theo Hợp đồng tín dụng số 025/04/08; Nguyễn Thị Xuân Tr1, Nguyễn Văn Ph họp Hội đồng tín dụng của Sở Giao dịch ký biên bản thống nhất đề xuất Hội đồng tín dụng của Ngân hàng P cho Công ty BP vay tiền theo Hợp đồng tín dụng số 034/05/08; bị cáo Phan Huy Kh, Trầm Viết Tr, Phan Thị Hồng V ký biên bản họp Hội đồng tín dụng của Ngân hàng P thống nhất cho vay theo Hợp đồng tín dụng số 025/04/08; bị cáo Phan Huy Kh, Ngô Văn H, Phan Thị Hồng V ký biên bản họp Hội đồng tín dụng của Ngân hàng P thống nhất cho vay theo Hợp đồng tín dụng số 034/05/08; bị cáo Trầm B ký phê duyệt cho Công ty BP vay tiền theo Hợp đồng tín dụng số 025/04/08, 034/05/08, 026/06/09.

Với hành vi nêu trên, Tòa án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo Dương Thanh C phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo điểm a khoản 4 Điều 174 Bộ luật hình sự 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017; các bị cáo Trầm B, Phan Huy Kh, Ngô Văn H, Nguyễn Văn Ph, Phạm Trường G, Trần Quang Th, Phan Thị Hồng V, Trịnh Bích Ng, Trầm Viết Tr phạm tội “Vi phạm quy định về cho vay trong hoạt động của các tổ chức tín dụng” theo khoản 3 Điều 179 Bộ luật hình sự 1999, được sửa đổi, bổ sung năm 2009 là có căn cứ, đúng người, đúng tội.

[3] Xét kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh về tăng hình phạt đối với bị cáo Dương Thanh C:

Hành vi phạm tội của bị cáo Dương Thanh C là đặc biệt nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của tổ chức được pháp luật bảo vệ, gây mất trật tự về hoạt động của các tổ chức tín dụng nên cần xử phạt bị cáo mức hình phạt tương xứng để giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung cho xã hội. Trong vụ án, bị cáo thực hiện hành vi lừa đảo với số tiền chiếm đoạt đặc biệt lớn, gây thiệt hại 505.225.530.275 đồng, phạm tội thuộc trường hợp tái phạm nguy hiểm. Mặc dù bị cáo có các tình tiết giảm nhẹ như sau khi phạm tội đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, hiện tài sản kê biên của bị cáo có thể khắc phục được phần lớn thiệt hại đã gây ra nhưng với hành vi và hậu quả mà bị cáo gây ra, Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo 16 năm tù là nhẹ, chưa đảm bảo tính nghiêm minh của pháp luật cũng như tác dụng phòng ngừa chung cho xã hội. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy có căn cứ chấp nhận kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh; tăng hình phạt đối với bị cáo Dương Thanh C.

[4] Xét kháng cáo kêu oan của bị cáo Trầm B, Trầm Viết Tr:

Các bị cáo và người bào chữa cho các bị cáo cho rằng hồ sơ vay vốn của Công ty BP hợp lệ, các bị cáo không biết thủ đoạn gian dối của bị cáo Dương Thanh C, hiện tại tài sản thế chấp đủ để thực hiện nghĩa vụ đối với Ngân hàng P, thiệt hại không xảy ra nên các bị cáo không phạm tội “Vi phạm quy định về cho vay trong hoạt động của các tổ chức tín dụng”.

Hội đồng xét xử xét thấy bị cáo Trầm B, Trầm Viết Tr cùng với các bị cáo khác thuộc Hội đồng tín dụng, cán bộ tín dụng Ngân hàng P, mỗi bị cáo với chức năng, nhiệm vụ của mình phải tiến hành kiểm tra, thẩm định, đánh giá hồ sơ vay vốn đủ điều kiện để cấp tín dụng hay không. Mặc dù hồ sơ vay vốn của Công ty BP do Dương Thanh C thực hiện có những sai sót như dự án đầu tư để xin vay vốn chưa được cấp có thẩm quyền phê duyệt, báo cáo tài chính của Công ty BP thể hiện sự mất cân đối, không đảm bảo các nguồn trả nợ vay; tài sản bảo lãnh khoản vay chưa được sang tên Công ty TP và đã được thế chấp để vay tiền tại Ngân hàng A chi nhánh 6 nhưng các bị cáo bỏ qua thủ tục thẩm định thực tế, vẫn xét duyệt, phê duyệt cho Công ty BP vay tiền dẫn đến thiệt hại; trong đó, bị cáo Trầm Viết Tr ký biên bản họp Hội đồng tín dụng của Ngân hàng P thống nhất cho Công ty BP vay theo Hợp đồng tín dụng số 025/04/08; bị cáo Trầm B đồng ý chủ trương và ký phê duyệt cho Công ty BP vay tiền với hồ sơ tín dụng nêu trên theo các Hợp đồng tín dụng số 025/04/08, 034/05/08, 026/06/09. Mặt khác, sau khi được giải ngân tiền vay, các bị cáo biết Dương Thanh C không thực hiện đầu tư dự án như phương án vay vốn đã nêu mà sử dụng để đảo nợ và tiêu xài cá nhân. Trong nhiệm vụ quyền hạn của mình, các bị cáo không yêu cầu cấp dưới xem xét, thẩm định đối với dự án đầu tư, đánh giá khả năng thanh toán nợ của Công ty BP, dẫn đến việc tiếp tục thực hiện các hợp đồng tín dụng tiếp theo để bị cáo Dương Thanh C đảo nợ, sử dụng cá nhân gây thiệt hại cho Ngân hàng P.

Tại Kết luận giám định ngày 13/4/2018, Giám định viên Ngân hàng nhà nước kết luận hành vi của cán bộ Ngân hàng P đã vi phạm Điều 7, Điều 10, Điều 14, Điều 15 Quy chế cho vay ban hành kèm theo Quyết định số 1627/2001/QĐ-NHNN ngày 31/12/2001 của Thống đốc Ngân hàng nhà nước; Điều 1 Quyết định 127/2005/QĐ-NHNN ngày 03/02/2005 của Ngân hàng nhà nước về sửa đổi, bổ sung Quyết định số 1627/2001/QĐ-NHNN; Điều 12 Nghị định 163/2006/NĐ-CP ngày 29/12/2006 của Chính phủ và Điều 106 Luật Đất đai 2003. Việc các bị cáo không thực hiện đúng quy định của pháp luật về cho vay đã tạo điều kiện cho bị cáo Dương Thanh C chiếm đoạt tiền của Ngân hàng P. Hành vi của các bị cáo đã cấu thành tội “Vi phạm quy định về cho vay trong hoạt động của các tổ chức tín dụng”.

Người bào chữa cho các bị cáo cho rằng 23 quyền sử dụng đất của Công ty TP đang thế chấp có giá trị 582.474.237.000 đồng, cao hơn khoản vay của bị cáo C tại Ngân hàng P nên Ngân hàng P không có thiệt hại; từ đó cho rằng các bị cáo không phạm tội. Hội đồng xét xử xét thấy, 23 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất không có giá trị pháp lý làm tài sản thế chấp để đảm bảo khoản vay. Thực tế, Ngân hàng P đã giải ngân tiền, vàng cho Công ty BP vay trên cơ sở tài sản đảm bảo không hợp lệ; khi Công ty BP không có khả năng thanh toán, Ngân hàng P không thể xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ, dẫn đến thiệt hại số tiền 505.225.530.275 đồng. Hành vi phạm tội của các bị cáo hoàn thành từ thời điểm ký biên bản họp Hội đồng tín dụng xét duyệt hồ sơ; phê duyệt cho Công ty BP vay tiền. Hiện nay do chính sách

Nhà nước thay đổi dẫn đến thay đổi quy hoạch sử dụng đất, cơ quan tổ tụng tiến hành kê biên xử lý vật chứng để khắc phục thiệt hại cho Ngân hàng P là sự kiện khách quan; đây không phải là yếu tố để loại trừ trách nhiệm hình sự của các bị cáo.

Bị cáo Trầm B, Trầm Viết Tr kháng cáo kêu oan không có cơ sở chấp nhận.

[5] Xét kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh và kháng cáo của các bị cáo thuộc Ngân hàng P về hình phạt:

Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã tạo điều kiện cho bị cáo Dương Thanh C thực hiện hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản, gây thiệt hại cho Ngân hàng P. Do đó, cần phải xử phạt các bị cáo mức hình phạt tương xứng để giáo dục các bị cáo và phòng ngừa chung cho xã hội.

Hội đồng xét xử xét thấy trong quá trình điều tra, xét xử sơ thẩm, phúc thẩm bị cáo Trầm B đã khai nhận đúng hành vi khách quan của mình, bị cáo phạm tội không có mục đích tư lợi cá nhân, quá trình công tác tại Ngân hàng P bị cáo đạt được nhiều thành tích xuất sắc, được tặng bằng khen của Thủ tướng Chính phủ và tích cực tham gia các hoạt động xã hội khác, bị hại Ngân hàng P (nay là Ngân hàng S) có văn bản xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, bản thân bị cáo hiện nay tuổi cao, sức khỏe không đảm bảo. Hiện nay tài sản thế chấp 23 quyền sử dụng đất tại xã P đang được kê biên để đảm bảo khắc phục thiệt hại cho Ngân hàng P, đã phần nào giảm nhẹ hậu quả do hành vi phạm tội mà bị cáo Dương Thanh C gây ra. Tòa án cấp sơ thẩm đánh giá hành vi phạm tội của bị cáo, áp dụng đầy đủ các tình tiết giảm nhẹ nêu trên, xử phạt bị cáo Trầm B 03 năm tù là phù hợp. Hội đồng xét xử xét thấy mức hình phạt trên đã đủ sức giáo dục, răn đe đối với bị cáo; việc tăng nặng hình phạt đối với bị cáo là không cần thiết, thể hiện sự nhân đạo của pháp luật.

Đối với các bị cáo Phan Huy Kh, Phan Thị Hồng V, Ngô Văn H, Trịnh Bích Ng, Nguyễn Văn Ph, Phạm Trường G, Trần Quang Th sau khi phạm tội đều có thái độ khai báo thành khẩn, ăn năn hối cải, nhận thức rõ sai phạm của mình; phạm tội không nhằm mục đích tư lợi cá nhân, phụ thuộc vào chủ trương của cấp trên nên mức độ phạm tội có phần hạn chế; các bị cáo đều đã tích cực hợp tác với cơ quan trong quá trình giải quyết vụ án; bị hại là Ngân hàng Sbank cũng đề nghị giảm nhẹ một phần hình phạt cho các bị cáo. Riêng bị cáo Phan Huy Kh, Trịnh Bích Ng trong quá trình học tập và công tác có nhiều thành tích xuất sắc; bị cáo Trần Quang Th có thân nhân có công với cách mạng; bị cáo Phan Thị Hồng V khi phạm tội đang mang thai, đồng thời tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo V xuất trình thêm tình tiết hiện bị cáo sức khỏe không tốt, đang ở giai đoạn tiền ung thư. Tương tự như bị cáo Trầm B, việc 23 quyền sử dụng đất đã được kê biên để đảm bảo khắc phục thiệt hại cho Ngân hàng P cũng được xem là một tình tiết để giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho các bị cáo. Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng đầy đủ các tình tiết giảm nhẹ như đã nêu ở trên, xử phạt bị cáo Phan Thị Hồng V, Trịnh Bích Ng 01 năm 03 tháng tù, bị cáo Ngô Văn H, Nguyễn Văn Ph 02 năm tù, Phạm Trường G, Trần Quang Th 01 năm 09 tháng tù, bị cáo Phan Huy Kh 02 năm 06 tháng tù là phù hợp, thể hiện sự nhân đạo của pháp luật. Mức hình phạt trên đã đủ sức để giáo dục các bị cáo và phòng ngừa chung cho xã hội.

Đối với bị cáo Trầm Viết Tr, tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo đã thành khẩn khai báo, thừa nhận hành vi phạm tội của mình và đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ

hình phạt cho bị cáo. Xét thấy, bị cáo phạm tội không nhằm mục đích tư lợi cá nhân, có hoàn cảnh gia đình khó khăn, vợ đang mắc bệnh ung thư tuyến giáp, bản thân bị cáo là lao động chính trong gia đình, quá trình công tác bị cáo đạt được nhiều thành tích xuất sắc, bị hại có văn bản xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo xuất trình thêm tài liệu thể hiện gia đình có nhiều thân nhân có công với cách mạng, trong đó có ông ngoại là liệt sĩ. Mặt khác, trong vụ án, vai trò của bị cáo có phần hạn chế hơn các bị cáo khác, bị cáo chỉ tham gia 01 lần ký vào Biên bản họp Hội đồng tín dụng của Sở Giao dịch đề xuất Hội đồng tín dụng Ngân hàng P cho Công ty BP vay ở hợp đồng tín dụng thứ nhất. Tòa án cấp sơ thẩm đánh giá tính chất hành vi phạm tội của bị cáo, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, xem xét bị cáo có nơi cư trú rõ ràng nên cho bị cáo được hưởng án treo là phù hợp với quy định pháp luật.

Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử xét thấy mức hình phạt mà cấp sơ thẩm đã tuyên đối với các bị cáo Trần B, Phan Huy Kh, Phan Thị Hồng V, Ngô Văn H, Trịnh Bích Ng, Nguyễn Văn Ph, Phạm Trường G, Trần Quang Th, Trần Viết Tr là phù hợp. Kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh yêu cầu tăng hình phạt đối với các bị cáo và kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo Phan Huy Kh, Phan Thị Hồng V, Nguyễn Văn Ph, Ngô Văn H không có căn cứ chấp nhận.

[6] Xét kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về trách nhiệm dân sự:

Như đã phân tích tại mục [2], bị cáo Dương Thanh C có hành vi chiếm đoạt tiền của Ngân hàng P thông qua việc lập hồ sơ gian dối đối với 03 hợp đồng tín dụng; do sử dụng tiền sai mục đích, không có khả năng chi trả nên Dương Thanh C đã dùng số tiền vay của hợp đồng tín dụng sau để thanh toán và đảo nợ cho hợp đồng tín dụng trước, cụ thể Hợp đồng tín dụng số 026/06/09 là hợp đồng đảo nợ cho các hợp đồng trước. Dư nợ của Hợp đồng số 026/06/09 là 81.771.150.275 đồng và 9.205,53 lượng vàng SJC. Theo Công văn số 3220/2019/CV-PL ngày 02/10/2019 của Ngân hàng Thương mại cổ phần S thì ngày 16/01/2013, Ngân hàng P chuyển đổi số dư khoản phải thu trên sang VNĐ; số dư khoản phải thu tổng cộng là 505.225.530.275 đồng. Đây là tổng số tiền phải thu phát sinh từ hợp đồng tín dụng ký kết giữa Ngân hàng P và Công ty BP nhưng do hành vi lừa đảo của bị cáo Dương Thanh C nên Ngân hàng P không thể thu hồi số tiền trên. Số tiền này được xác định là thiệt hại do hành vi của bị cáo Dương Thanh C gây ra và bị cáo có trách nhiệm bồi thường đối với toàn bộ khoản tiền này.

Các bị cáo Trần B, Phan Huy Kh, Phan Thị Hồng V, Ngô Văn H, Trịnh Bích Ng, Nguyễn Văn Ph, Phạm Trường G, Trần Quang Th, Trần Viết Tr có vi phạm về quy chế cho vay dẫn đến Dương Thanh C thực hiện hành vi lừa đảo chiếm đoạt tiền của Ngân hàng P. Tuy nhiên, các bị cáo không thỏa thuận, thống nhất ý chí với Dương Thanh C, không đồng phạm với bị cáo C về hành vi chiếm đoạt tài sản, trong vụ án các bị cáo cũng không được hưởng lợi ích vật chất nào. Do đó, không có cơ sở để buộc các bị cáo phải liên đới cùng với bị cáo Dương Thanh C bồi thường thiệt hại cho Ngân hàng P.

Mặt khác, tại phiên tòa sơ thẩm, bị hại Ngân hàng Thương mại cổ phần S yêu cầu bị cáo Dương Thanh C bồi thường toàn bộ số tiền thiệt hại 505.225.530.275 đồng; bị cáo Dương Thanh C đồng ý bồi thường toàn bộ số tiền trên với lý do số tiền trên do bị cáo chiếm đoạt và sử dụng, không liên quan đến bị cáo khác. Tòa án cấp sơ thẩm đã tuyên buộc bị cáo Dương Thanh C bồi thường toàn bộ số tiền trên cho Ngân hàng Thương mại cổ phần S. Bị cáo Dương Thanh C đồng ý với bản án sơ thẩm và không kháng cáo.

Với những lý do trên, Hội đồng xét xử xét thấy Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh kháng nghị yêu cầu buộc các bị cáo Trầm B, Phan Huy Kh, Phan Thị Hồng V, Ngô Văn H, Trịnh Bích Ng, Nguyễn Văn Ph, Phạm Trường G, Trần Quang Th, Trầm Viết Tr liên đới bồi thường với bị cáo Dương Thanh C số tiền 319.982.265.181 đồng là không có cơ sở chấp nhận.

[7] Xét kháng cáo của Ngân hàng A về xử lý vật chứng:

Người đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng Aribank cho rằng 23 quyền sử dụng đất hình thành từ nguồn vay của Công ty TP; sau đó Công ty TP đã sử dụng tài sản hình thành trong tương lai (23 quyền sử dụng đất) để thế chấp cho Ngân hàng Aribank chi nhánh 6 nên hiện nay 23 quyền sử dụng đất thuộc quyền sử dụng hợp pháp của Ngân hàng Abank. Hội đồng xét xử xét thấy 23 quyền sử dụng đất trên do Công ty TP nhận chuyển nhượng từ các hộ dân, sau đó thế chấp cho Ngân hàng Abank để đảm bảo khoản vay; không có cơ sở để xác định đây là tài sản của Ngân hàng chi nhánh Abank như người đại diện ngân hàng đã nêu.

Theo quyết định của Bản án hình sự phúc thẩm số 702/2019/HSPT ngày 18/11/2019 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh đã tuyên tiếp tục kê biên 23 quyền sử dụng đất tại xã P để đảm bảo cho nghĩa vụ bồi thường 171,2 tỷ đồng của bị cáo Dương Thanh C đối với Ngân hàng A chi nhánh 6 (Abank 6). Quá trình điều tra, truy tố, xét xử vụ án Lừa đảo chiếm đoạt tài sản tại Ngân hàng Abank chi nhánh 6 chỉ xác định bị cáo C dùng 23 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trên để lừa đảo chiếm đoạt của Ngân hàng Abank chi nhánh 6 số tiền 171,2 tỷ đồng; các khoản thiệt hại khác của Ngân hàng Abank chi nhánh 6 không phải do hành vi thế chấp 23 quyền sử dụng đất trên gây ra. Do đó, việc Ngân hàng Abank yêu cầu được xử lý toàn bộ 23 quyền sử dụng đất tại xã P để khắc phục hậu quả bị cáo C gây ra tại Ngân hàng Abank chi nhánh 6 (số tiền hơn 600 tỷ đồng) là không có cơ sở chấp nhận.

[8] Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử xét thấy không có căn cứ chấp nhận kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh và kháng cáo của các bị cáo Trầm B, Phan Thị Hồng V, Ngô Văn H, Phan Huy Kh, Nguyễn Văn Ph, Trầm Viết Tr, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ngân hàng A (Abank); có căn cứ chấp nhận kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh; sửa một phần bản án sơ thẩm về hình phạt đối với bị cáo Dương Thanh C.

[9] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị, có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết hạn kháng cáo, kháng nghị.

[10] Do kháng cáo không được chấp nhận nên các bị cáo Trầm B, Phan Thị Hồng V, Ngô Văn H, Phan Huy Kh, Nguyễn Văn Ph, Trầm Viết Tr phải chịu án phí

hình sự phúc thẩm; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ngân hàng A (Abank) phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355, Điều 357 Bộ luật tố tụng hình sự.

Không chấp nhận Quyết định kháng nghị số 36/QĐ-VKS-P3 ngày 12/8/2020 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh và kháng cáo của các bị cáo Trầm B, Phan Thị Hồng V, Ngô Văn H, Phan Huy Kh, Nguyễn Văn Ph, Trầm Việt Tr, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ngân hàng A (Abank).

Chấp nhận Quyết định kháng nghị số 39/QĐ-VC3-V1 ngày 25/8/2020 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh; sửa một phần bản án sơ thẩm về hình phạt đối với bị cáo Dương Thanh C.

Tuyên bố bị cáo Dương Thanh C phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”; bị cáo Trầm B, Phan Huy Kh, Ngô Văn H, Phan Thị Hồng V, Trịnh Bích Ng, Nguyễn Văn Ph, Phạm Trường G, Trần Quang Th, Trầm Việt Trung phạm tội “Vi phạm quy định về cho vay trong hoạt động của các tổ chức tín dụng”.

Căn cứ điểm a khoản 4 Điều 174; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 56 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017:

Xử phạt bị cáo **Dương Thanh C** 18 (mười tám) năm tù. Tổng hợp hình phạt tù Chung thân tại Bản án số 237/2018/HSST ngày 10/7/2018 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, buộc bị cáo phải chấp hành chung hình phạt của 02 bản án là Tù chung thân. Thời hạn tù tính từ ngày 03/10/2012.

Căn cứ khoản 3 Điều 179 Bộ luật Hình sự năm 1999, sửa đổi, bổ sung năm 2009; điểm s, v, t khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54; Điều 56 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017:

Xử phạt bị cáo **Trầm B** 03 (ba) năm tù. Tổng hợp hình phạt 04 năm tù về tội “Cố ý làm trái quy định của Nhà nước về quản lý kinh tế gây hậu quả nghiêm trọng” theo Bản án số 268/2018/HSST ngày 06/8/2018 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, buộc bị cáo chấp hành hình phạt chung của 02 bản án là: 07 (bảy) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 01/8/2017.

Căn cứ khoản 3 Điều 179 Bộ luật Hình sự năm 1999, sửa đổi, bổ sung năm 2009; điểm s, v, t khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54; Điều 56 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017:

Xử phạt bị cáo **Phan Huy Kh** 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù. Tổng hợp hình phạt 03 năm tù về tội “Cố ý làm trái quy định của Nhà nước về quản lý kinh tế gây hậu quả nghiêm trọng” theo Bản án số 268/2018/HSST ngày 06/8/2018 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, buộc bị cáo chấp hành hình phạt chung của 02 bản án là: 05 (năm) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 01/8/2017.

Căn cứ khoản 3 Điều 179 Bộ luật Hình sự năm 1999, sửa đổi, bổ sung năm 2009; điểm s, t khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo **Ngô Văn H** 02 (hai) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 26/8/2019.

Căn cứ khoản 3 Điều 179 Bộ luật Hình sự năm 1999, sửa đổi, bổ sung năm 2009; điểm s, t khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo **Nguyễn Văn Ph** 02 (hai) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 26/8/2019.

Căn cứ khoản 3 Điều 179 Bộ luật Hình sự năm 1999, sửa đổi, bổ sung năm 2009; điểm s, t khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo **Phạm Trường G** 01 (một) năm 09 (chín) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 27/11/2018. Bị cáo đã chấp hành xong hình phạt.

Căn cứ khoản 3 Điều 179 Bộ luật Hình sự năm 1999, sửa đổi, bổ sung năm 2009; điểm s, t khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo **Trần Quang Th** 01 (một) năm 09 (chín) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 27/11/2018. Bị cáo đã chấp hành xong hình phạt.

Căn cứ khoản 3 Điều 179 Bộ luật Hình sự năm 1999, sửa đổi, bổ sung năm 2009; điểm s, n, t khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo **Phan Thị Hồng V** 01 (một) năm 03 (ba) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 26/8/2019. Bị cáo đã chấp hành xong hình phạt.

Căn cứ khoản 3 Điều 179 Bộ luật Hình sự năm 1999, sửa đổi, bổ sung năm 2009; điểm s, v, t khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo **Trịnh Bích Ng** 01 (một) năm 03 (ba) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 26/8/2019. Bị cáo đã chấp hành xong hình phạt.

Căn cứ khoản 3 Điều 179 Bộ luật Hình sự năm 1999, sửa đổi, bổ sung năm 2009; điểm s, v khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54; Điều 65 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo **Trần Viết Tr** 01 (một) năm tù, nhưng cho hưởng án treo về tội “Vi phạm quy định về cho vay trong hoạt động của các tổ chức tín dụng”. Thời gian thử thách là 02 (hai) năm tính từ ngày xét xử sơ thẩm 30/7/2020.

Giao bị cáo Trần Viết Tr cho Ủy ban nhân dân phường A, quận B để giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 của Luật thi hành án hình sự. Trong thời gian thử thách nếu bị cáo Trần Viết Tr cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự từ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Căn cứ Điều 48 Bộ luật Hình sự 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017; Điều 106; Điều 128 Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015:

Buộc bị cáo Dương Thanh C phải có nghĩa vụ bồi hoàn số tiền: 505.225.530.275 đồng (Năm trăm lẻ năm tỷ, hai trăm hai mươi lăm triệu, năm trăm ba mươi ngàn, hai trăm bảy mươi lăm đồng) cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần P (nay là Ngân hàng Thương mại Cổ phần S - Sbank).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015.

Tiếp tục duy trì kê biên phần giá trị còn lại của 23 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có tổng diện tích 105.181,9m² (10,5ha) và các hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất (sau khi trừ đi 171,2 tỷ đồng - số tiền phải bồi thường cho Ngân hàng Abank chi nhánh 6) để đảm bảo cho việc bồi hoàn số tiền 505.225.530.275 đồng của Dương Thanh C đối với cho Ngân hàng TMCP P (nay là Ngân hàng Thương mại Cổ phần S - Sbank), phần giá trị còn lại (nếu có) tiếp tục được thực hiện cho các nghĩa vụ khác của Dương Thanh C.

Bản chính 23 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất chi tiết gồm:

+Thửa số 64, TB đồ 01, xã P: Giấy chứng nhận QSDĐ số W532684 ngày 25/03/2003 và Hợp đồng chuyển nhượng QSDĐ số 8206/HĐ-CN ngày 17/6/2008.

+Thửa số 85, 143, 144, TB đồ số 01 xã P: Giấy chứng nhận QSDĐ số A707660 ngày 28/12/1994 và Hợp đồng chuyển nhượng QSDĐ số 8121/HĐ-CN ngày 14/06/2008.

+Thửa số 85, 141, 142, TB đồ số 01, xã P: Giấy chứng nhận QSDĐ số X218323 ngày 27/06/2003 và Hợp đồng chuyển nhượng QSDĐ số 8122/HĐ-CN ngày 14/06/2008.

+Thửa đất số 75, TB số 01 xã P: Giấy chứng nhận QSDĐ số A707675 ngày 28/12/1994 và Hợp đồng chuyển nhượng QSDĐ số 6053/HĐ-CN ngày 27/12/2007.

+Thửa số 1595, 1594 TBĐ số 01, xã P: Giấy chứng nhận QSDĐ số Đ783568 ngày 30/06/2004 và Hợp đồng chuyển nhượng QSDĐ số 6052/HĐ-CN ngày 27/12/2007.

+Thửa số 1109, 1110, 1111, 1112, 1155, TBĐ số 04, 05, xã P: Giấy chứng nhận QSDĐ số A707126 ngày 25/01/1992 và Hợp đồng thỏa thuận bồi thường thiệt hại đất ngày 10/3/2008.

+Thửa số 158, 82&81 thuộc TBĐ số 1, xã P: Giấy chứng nhận QSDĐ số A707665 ngày 28/12/1994 và Hợp đồng chuyển nhượng QSDĐ số 8002/HĐ-CN ngày 11/06/2008.

+Thửa số 77, TBĐ số 01, xã P: Giấy chứng nhận QSDĐ số U384615 ngày 28/12/2001 và Hợp đồng chuyển nhượng QSDĐ số 5918 ngày 25/12/2007.

+Thửa số 100&99, TBĐ số 01, xã P: Giấy chứng nhận QSDĐ số C266343 ngày 09/12/1995 và Hợp đồng chuyển nhượng QSDĐ số 8000/HĐ-CN ngày 11/06/2008.

+Thửa đất số 70, 71&72, TĐĐ số 01, xã P: Giấy chứng nhận QSDĐ số P283581 ngày 25/05/2001 và Hợp đồng chuyển nhượng QSDĐ số 7999/HĐ-CN ngày 11/06/2008.

+Thửa số 78, TĐĐ số 01, xã P: Giấy chứng nhận QSDĐ số T274070 ngày 06/09/2001 và Hợp đồng chuyển nhượng QSDĐ số 5910/HĐ-CN ngày 25/12/2007.

+Thửa số 1579, TĐĐ số 01, xã P: Giấy chứng nhận QSDĐ số X229183 ngày 12/08/2003 và Hợp đồng chuyển nhượng QSDĐ số 8123/HĐ-CN ngày 14/06/2008.

+Thửa số 91, 151&90, TĐĐ số 01, xã P: Giấy chứng nhận QSDĐ số A707662 ngày 28/12/1994 và Hợp đồng chuyển nhượng QSDĐ số 8124/HĐ-CN ngày 14/06/2008.

+Thửa số 74, 65, 66, TĐĐ số 01, xã P: Giấy chứng nhận QSDĐ số A707145 ngày 25/01/1992 và Hợp đồng chuyển nhượng QSDĐ số 8001/HĐ-CN ngày 11/06/2008.

+Thửa số 1608, TĐĐ số 01, xã P: Giấy chứng nhận QSDĐ số AC602073 ngày 17/11/2005 và Hợp đồng chuyển nhượng QSDĐ số 5912/HĐ-CN ngày 25/12/2007.

+Thửa số 1607, TĐĐ số 01, xã P: Giấy chứng nhận QSDĐ số AC602072 ngày 17/11/2005 và Hợp đồng chuyển nhượng QSDĐ số 5913/HĐ-CN ngày 25/12/2007.

+Thửa số 84, 109, 110, 111, 112, 118, 117, TĐĐ số 01: Giấy chứng nhận QSDĐ số C266341 ngày 09/12/1995 và Hợp đồng chuyển nhượng QSDĐ số 5919/HĐ-CN ngày 25/12/2007.

+Thửa số 75, 76, 67, 68, 64, 69, TĐĐ số 01: Giấy chứng nhận QSDĐ số A707676 ngày 28/12/1994 và Hợp đồng chuyển nhượng QSDĐ số 5914/HĐ-CN ngày 25/12/2007.

+Thửa số 1593, TĐĐ số 01, xã P: Giấy chứng nhận QSDĐ số Đ783567 ngày 30/6/2004 và Hợp đồng chuyển nhượng QSDĐ số 6246/HĐ-CN ngày 28/12/2007.

+Thửa số 1558, TĐĐ số 01, xã P: Giấy chứng nhận QSDĐ số V357704 ngày 20/06/2002 và Hợp đồng chuyển nhượng QSDĐ số 6247/HĐ-CN ngày 28/12/2007.

+Thửa số 89, TĐĐ số 01, xã P: Giấy chứng nhận QSDĐ số A707067 ngày 25/01/1992 và Hợp đồng thỏa thuận bồi thường thiệt hại đất ngày 29/01/2008, Giấy chuyển nhượng đất nông nghiệp ngày 10/01/2002.

+Thửa số 113, 114, 115, 116, TĐĐ số 01, xã P: Giấy chứng nhận QSDĐ số C266356 ngày 09/12/1995 và Hợp đồng chuyển nhượng QSDĐ số 0029/HĐ-CN ngày 02/01/2008.

+Thửa số 86, TĐĐ số 01, xã P: Giấy chứng nhận QSDĐ số U378094 ngày 27/11/2001 và Hợp đồng chuyển nhượng QSDĐ số 6180/HĐ-CN ngày 28/12/2007.

(Theo lệnh kê biên tài sản số 23/C03-P12 ngày 09/11/2018 của Cơ quan cảnh sát điều tra Bộ Công an)

Hủy bỏ Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú số 06/2020/HSPT ngày 24/11/2020 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh đối với bị cáo Phan Thị Hồng V.

Hủy bỏ Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú số 07/2020/HSPT ngày 24/11/2020 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh đối với bị cáo Trịnh Bích Ng.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị, có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết hạn kháng cáo, kháng nghị.

Án phí phúc thẩm: Các bị cáo Trầm B, Phan Thị Hồng V, Ngô Văn H, Phan Huy Kh, Nguyễn Văn Ph, Trầm Viết Tr, mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự phúc thẩm.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ngân hàng A (Abank) phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSND cấp cao tại TP.HCM;
- TAND TP.HCM;
- VKSND TP.HCM;
- Công an TP.HCM;
- Sở Tư pháp TP.HCM;
- Cục THADS TP.HCM;
- Trại tạm giam Công an T17 Bộ Công an (6);
- BCTN (5);
- ĐS (5);
- Lưu VP (3), HS (2).28b.TTPT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hoàng Thanh Dũng